

NỘI DUNG GIỚI THIỆU VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
VỀ ĐỀ ÁN CHƯƠNG TRÌNH VÀ CHÍNH SÁCH THU HÚT ĐẦU TƯ
NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH GTVT ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo quyết định số 2657/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015)

PHẦN 1
THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM

Thực trạng phát triển năng lực kết cấu hạ tầng chủ yếu

Trong những năm gần đây, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông ở Việt Nam đã được nâng cấp và xây dựng mới, góp phần nâng cao năng lực khai thác, đáp ứng tăng trưởng kinh tế: tăng tốc độ khai thác trên các tuyến đường bộ; rút ngắn thời gian trên các tuyến đường sắt, đường sông; tăng lượng hàng hóa thông qua các cảng biển; tăng lưu lượng hành khách và hàng hóa thông qua các cảng hàng không. Xếp hạng năng lực và chất lượng hạ tầng giao thông Việt Nam (bởi Diễn đàn kinh tế thế giới) liên tục tăng từ thứ 103 năm 2010 lên thứ 74 năm 2014. Tuy nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông ở Việt Nam đa số có quy mô nhỏ bé, chưa đồng bộ và chưa tạo được sự kết nối liên hoàn, khả năng đáp ứng nhu cầu giao thông và an toàn giao thông còn hạn chế. So với một số nước tiên tiến trong khu vực, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của Việt Nam chỉ ở mức trung bình.

Đường bộ: Tổng chiều dài khoảng 260.000 km đường các loại, trong đó quốc lộ có hơn 20.000 km; đường tỉnh khoảng 24.000 km; mới có hơn 700 km đường bộ cao tốc đã hoàn thành và gần 500 km nữa đang xây dựng. Kết cấu hạ tầng đường bộ Việt Nam về mật độ chung là không nhỏ so với các nước trong khu vực nhưng về quy mô thì còn khá thấp (mật độ riêng đường quốc lộ và đường cao tốc thấp hơn, số làn xe ít hơn).

Đường sắt: Mạng lưới đường sắt quốc gia Việt Nam có tổng chiều dài là 3.143 km, mật độ đạt 7,9 km/1000 km², trong đó 2.531 km đường chính tuyến, bao gồm 3 loại khổ đường mà chủ yếu là khổ đường 1000 mm (chiếm 85%), còn lại là khổ đường 1435 mm và khổ đường lồng. Hạ tầng đường sắt Việt Nam còn lạc hậu, hiện nay chủ yếu chỉ duy tu bảo dưỡng để bảo đảm an toàn và duy trì khai thác ở mức độ bình thường.

Đường biển: Hệ thống cảng biển Việt Nam đã được đầu tư xây dựng 31 cảng tổng hợp bao gồm 219 bến/khu bến, gồm 373 cầu cảng với tổng số 44.000 m dài cầu cảng. Trong đó có 213 cầu cảng tổng hợp, cầu cảng container với khoảng 35.900 m dài cầu cảng. Tổng công suất cảng biển khoảng hơn 400 triệu tấn/năm (trong đó hàng tổng hợp, container khoảng 240 triệu tấn/năm).

Đường thủy nội địa: Tổng chiều dài tuyến đường thủy nội địa toàn quốc được tổ chức quản lý, khai thác là hơn 19.000 km, hầu hết là khai thác tự nhiên, trong đó tổ chức quản lý, bảo trì khoảng

6.700 km tuyến đường thủy nội địa quốc gia, 12.600 km tuyến đường thủy nội địa địa phương (thuộc địa bàn 27 tỉnh, thành phố). Độ sâu chạy tàu các tuyến đường thủy nội địa quốc gia phía Bắc bảo đảm từ 2,0 m đến 2,5 m, các tuyến chính phía Nam bảo đảm trên 3m. Ngoài ra còn có tuyến ven biển đang khai thác trở lại từ năm 2014. Về cảng có 131 cảng thủy nội địa, trong đó 13 cảng có tiếp nhận tàu nước ngoài.

Hàng không: Hiện có 21 cảng hàng không đang hoạt động, trong đó có 7 cảng hàng không quốc tế, 14 cảng hàng không nội địa. Tổng năng lực khai thác tại nhà ga khoảng 70 triệu hành khách thông qua/năm. Hai cảng hàng không lớn nhất tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh có tiêu chuẩn loại 4E (ICAO).

Thực trạng chi đầu tư phát triển ngành GTVT giai đoạn 2001-2014 từ nguồn ngân sách và nguồn huy động ngoài ngân sách do Bộ GTVT quản lý

Tổng chi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông do Bộ GTVT quản lý bình quân năm đã tăng từ mức 12 nghìn tỷ đồng/năm ở giai đoạn 2001-2005 lên mức 36 nghìn tỷ đồng/năm ở giai đoạn 2006-2010 và hiện đã ở mức 70 nghìn tỷ đồng/năm. Về cơ cấu nguồn vốn, vốn ngân sách (gồm cả ODA) có tỷ lệ lớn nhất trên 39%, thêm 26% nữa từ nguồn trái phiếu chính phủ, còn lại gần 35% là nguồn ngoài ngân sách (huy động nhà đầu tư). Tỷ trọng vốn ngân sách nhà nước và ODA có xu hướng giảm dần trong khi tỷ trọng vốn trái phiếu chính phủ và vốn huy động ngoài ngân sách đang tăng dần.

Về cơ cấu chi đầu tư theo chuyên ngành, ngành đường bộ tiếp tục chiếm tỉ trọng đầu tư cao nhất; tiếp đến là ngành hàng hải, hàng không; đường sắt và đường thủy nội địa vẫn có tỷ trọng đầu tư thấp nhất.

Ở khía cạnh chi tiêu công cho giao thông, tỷ trọng của chi đầu tư công cho xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông ở cả trung ương và địa phương bình quân giai đoạn 2009-2013 là 3,5% là một mức cao hơn so với một số nước trong khu vực.

Thực trạng thu hút vốn nước ngoài đầu tư vào ngành giao thông giai đoạn 2001-2014

Nguồn vốn nước ngoài được thu hút và đầu tư vào ngành GTVT hiện có nguồn ODA (và vốn vay ưu đãi) và các loại vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI. Vốn ODA tập trung bố trí phần lớn cho lĩnh vực hạ tầng đường bộ (cao tốc, quốc lộ, cầu lớn, đường tỉnh, giao thông nông thôn), một phần cho lĩnh vực hạ tầng cảng hàng không, hạ tầng hàng hải, hạ tầng đường thủy, hạ tầng đường sắt (tuyến đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị).

Vốn nước ngoài sử dụng cho đầu tư hạ tầng giao thông (do Bộ GTVT quản lý) bình quân hằng năm ở các giai đoạn 2001-2005, 2006-2010 và 2011-2014 lần lượt là 6, 12 và 37 nghìn tỷ đồng. Vốn nước ngoài chiếm tới gần 32% tổng chi đầu tư vào ngành giao thông, trong đó vốn ODA là chủ yếu với tỷ lệ 28%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI chưa được đánh giá đầy đủ nhưng chỉ có tỷ trọng khá nhỏ là dưới 4% trong cơ cấu vốn.

Nguồn vốn ODA đặc biệt đã đầu tư nhiều cho mạng lưới đường bộ trước đây và hiện nay đang tiến vào các lĩnh vực giao thông khác là giao thông đô thị, đường sắt đô thị, hàng không, luồng hàng hải, tuyến đường thủy nội địa, logistics, ... Tuy nhiên, bên cạnh thành quả tăng trưởng kinh tế, nguồn ODA đầu tư vào Việt Nam đang kém ưu đãi dần.

Hiện nay Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức vô cùng lớn về huy động vốn đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng. Chính phủ Việt Nam đã dành những nguồn lực nhất định song mới đáp ứng được những nhu cầu cơ bản thiết yếu nhất. Nhiều chính sách huy động nguồn lực đã được nghiên cứu, áp dụng; trong số đó PPP đang là một chính sách thu hút quan tâm từ phía các nhà hoạch định chính sách, các nhà nghiên cứu kinh tế, các nhà tài trợ và các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước.

Nhu cầu giao thông đến 2030

Kết quả dự báo nhu cầu giao thông Việt Nam từ 2013 đến 2020 cho thấy tốc độ tăng trưởng của khối lượng vận chuyển tuy có giảm so với giai đoạn trước nhưng vẫn ở mức cao là 9,1% đối với hàng hóa và 10,7% đối với hành khách. Cụ thể, tổng sản lượng vận tải toàn ngành khoảng 1.300 tỷ tấn.km (tương đương 2,2 tỷ tấn hàng hoá), 340 tỷ hành khách.km (tương đương 6,3 tỷ lượt khách). Đến năm 2030, tổng sản lượng vận tải khoảng 2.500 tỷ tấn.km (tương đương 4,3 tỷ tấn hàng hoá), 667 tỷ hành khách.km (tương đương 14 tỷ lượt khách), tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm về sản lượng vận tải hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 là 6,7%, hành khách là 8,2% (Quyết định 318/QĐ-TTg).

Mục tiêu, giải pháp chủ yếu trong Chiến lược phát triển GTVT Việt Nam

Chiến lược phát triển ngành GTVT Việt Nam xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2020, hệ thống giao thông cơ bản Việt Nam sẽ hình thành được một hệ thống GTVT hợp lý giữa các phương thức vận tải, phát triển một cách đồng bộ, từng bước tiến tới hiện đại nhằm góp phần đưa đất nước cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại (QĐ 355/QĐ-TTg).

Cụ thể, đến 2020, Việt Nam cơ bản hoàn thành xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc, đạt khoảng 2.500 km; nghiên cứu phương án xây dựng mới tuyến đường sắt tốc độ cao, đường đôi khổ 1435 mm trên trục Bắc – Nam (QĐ 214/QĐ-TTg); hệ thống đường bộ, đường sắt Việt Nam đồng bộ về tiêu chuẩn kỹ thuật, kết nối thuận lợi với hệ thống đường bộ ASEAN, Tiểu vùng Mê Kông mở rộng và đường sắt xuyên Á; hệ thống cảng biển đáp ứng tốt nhu cầu thông quan về hàng hóa xuất nhập khẩu và nội địa; hoàn thành đưa vào cấp kỹ thuật, đảm bảo chạy tàu 24/24h các tuyến đường thủy nội địa; cơ bản hoàn thiện mạng lưới cảng hàng không trong cả nước với quy mô hiện đại; cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Long Thành có vai trò và quy mô ngang tầm với các cảng hàng không quốc tế lớn trong khu vực; phát triển giao thông đô thị hướng tới văn minh, hiện đại; tiếp tục đầu tư các tuyến đầu mối đô thị lớn như các tuyến vành đai 2, vành đai 3 Hà Nội và vành đai 2, vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh; đẩy nhanh tiến độ xây dựng các tuyến đường sắt đô thị ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Những nhóm giải pháp chính được đưa ra là nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, phát huy tính đồng bộ kết nối của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông. Trong đó, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; tạo bước chuyển biến rõ rệt trong việc phân bổ nguồn vốn đầu tư giữa các lĩnh vực giao thông; tập trung vốn cho các công trình có tính lan tỏa, tạo sự kết nối giữa các phương thức vận tải, giữa các công trình trong cùng hệ thống, tại các vùng kinh tế trọng điểm, các cửa ngõ quốc tế.

Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông Việt Nam giai đoạn 2016-2020 toàn ngành ước tính khoảng 1.015.000 tỷ đồng (khoảng 48 tỷ USD, là nhu cầu vốn đầu tư cho các công trình giao thông do Bộ GTVT, các Tổng công ty nhà nước quản lý và các công trình chủ yếu tại Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh). Trong đó, đường bộ có nhu cầu khoảng 651 nghìn tỷ đồng, đường sắt khoảng 119 nghìn tỷ đồng, hàng không khoảng 101 nghìn tỷ đồng, hàng hải 68 nghìn tỷ đồng và đường thủy nội địa hơn 33 nghìn tỷ đồng. Khoảng hơn 300 nghìn tỷ (14 tỷ USD) được xác định sẽ huy động từ nguồn ngoài ngân sách trong nước và nước ngoài, đặc biệt là vốn nước ngoài.

PHẦN 2

GỚI THIỆU CÁC CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI PHÁT TRIỂN NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

3.1. Chính sách chung về đầu tư và thực hiện dự án đầu tư

Chính sách chung về khuyến khích đầu tư của Việt Nam

Nhà nước thực hiện chức năng đầu tư công đối với các lĩnh vực được quy định trong Luật Đầu tư công 2014 và khuyến khích tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư hoặc đầu tư theo hình thức đối tác công tư vào dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và cung cấp dịch vụ công (Luật Đầu tư công 2014).

Đối với đầu tư kinh doanh, khuyến khích và ưu đãi đầu tư trong nước và nước ngoài là chủ trương thống nhất của Nhà nước Việt Nam được thể chế hóa trong các luật kể từ năm 1987 (Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987, Luật khuyến khích đầu tư trong nước năm 1994) cho đến nay (Luật đầu tư 2014).

Chính sách chung về đầu tư kinh doanh thể hiện qua 5 điểm: Quyền đầu tư kinh doanh các lĩnh vực không cấm; Quyền quyết định tự chủ đầu tư kinh doanh, tiếp cận nguồn lực đầu tư; Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn, thu nhập, lợi ích; Đối xử bình đẳng, có lĩnh vực ưu đãi; Tôn trọng điều ước quốc tế (Điều 5 Luật đầu tư 2014).

Từ năm 2011, Việt Nam đã thể hiện quyết tâm cao trong việc thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư vào kết cấu hạ tầng kinh tế, nhất là giao thông (Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng cộng sản Việt Nam; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020). Cụ thể hơn là Nghị quyết số 13-NQ-TW của Ban chấp hành trung ương về "Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa đất nước cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

vào năm 2020" đã xác định "thu hút mạnh các thành phần kinh tế, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm lợi ích thỏa đáng của nhà đầu tư; mở rộng hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm...; có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng.

Chính phủ đã có những chỉ đạo cụ thể: Nghị quyết số 16/NQ-CP (tháng 6/2012) về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-TW, Thủ tướng Chính phủ cũng đã có Chỉ thị số 16/CT-TTg (tháng 7/2015) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-TW

Lĩnh vực đầu tư và các hình thức đầu tư tại Việt Nam

Luật đầu tư 2014 đã quy định rõ quyền của nhà đầu tư theo hướng được đầu tư kinh doanh các ngành, nghề mà luật không cấm (có danh mục kèm theo luật). Nếu phân theo mức độ của quyền đầu tư kinh doanh, có 3 nhóm lĩnh vực đầu tư là nhóm ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh (Điều 6 và các Phụ lục 1, 2, 3, Luật Đầu tư), nhóm ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (Điều 7 và Phụ lục 4, Luật Đầu tư 2014), còn lại là các ngành nghề được đầu tư kinh doanh (tự do).

Nhà nước có chế độ ưu đãi đầu tư đối với các lĩnh vực, ngành nghề mà nhà nước khuyến khích đầu tư. Hình thức áp dụng ưu đãi chính gồm có thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn thuế nhập khẩu hàng hóa liên quan thực hiện dự án; miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất (Chương III, Luật đầu tư 2014).

Đầu tư tại Việt Nam có 4 hình thức là Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế (trực tiếp); Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; Đầu tư theo hình thức hợp đồng PPP; Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC (Mục I, Chương IV, Luật Đầu tư 2014).

(Danh mục các văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư và đầu tư nước ngoài xem tại Phụ lục 5)

3.2. Chính sách hiện hành về thu hút vốn nước ngoài đầu tư dự án ngành GTVT

a. Các hình thức thu hút vốn nước ngoài và ưu đãi đầu tư vào ngành GTVT

Các hình thức có vốn đầu tư nước ngoài vào ngành GTVT

Các lĩnh vực đầu tư công có liên quan ngành giao thông vận tải: Đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; Đầu tư và hỗ trợ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.

Hiện nay, một cách tương đối, có 2 kênh chủ yếu thu hút nguồn vốn nước ngoài để đầu tư phát triển lĩnh vực giao thông vận tải tại Việt Nam là sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA hoặc vốn vay ưu đãi từ nước ngoài (của các chính phủ nước ngoài, nhà tài trợ); thu hút vốn đầu tư kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài (thông qua nhiều hình thức đầu tư khác nhau).

Nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện đầu tư kinh doanh các lĩnh vực giao thông vận tải cũng theo 4 hình thức (Mục I, Chương IV, Luật Đầu tư 2014). Các hình thức đầu tư kinh doanh hiện thu hút được nhà đầu tư nước ngoài quan tâm trong ngành GTVT gồm có:

- + Thành lập công ty TNHH liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài để đầu tư xây dựng, kinh doanh các dịch vụ vận tải, dịch vụ liên quan khác không phải là dịch vụ công.
- + Thành lập doanh nghiệp dự án PPP tham gia đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng giao thông; tham gia quản lý, kinh doanh kết cấu hạ tầng do nhà nước đã xây dựng; tham gia cung cấp dịch vụ công.
- + Tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước.
- + Tham gia ký kết hợp đồng BCC

Ưu đãi đầu tư vào ngành GTVT

Chính sách ưu đãi đầu tư hiện áp dụng chung cho tất cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

Hình thức áp dụng ưu đãi đầu tư chung: miễn thuế, giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn thuế nhập khẩu hàng hóa liên quan thực hiện dự án; miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất (Điều 15 Luật Đầu tư 2014). Chi tiết về mức ưu đãi được quy định cụ thể trong pháp luật về thuế và đất đai.

Đối tượng được hưởng ưu đãi: dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề đầu tư phát triển và vận hành, quản lý công trình kết cấu hạ tầng; phát triển vận tải hành khách công cộng tại các đô thị. Dự án tại địa bàn ưu đãi đầu tư gồm địa bàn có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn; Khu công nghệ gồm địa bàn có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó. Dự án có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng, giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong 3 năm; (Điều 16 Luật Đầu tư 2014).

b. Chính sách thu hút, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi để đầu tư vào ngành GTVT

Các hình thức, phương thức và nguyên tắc cung cấp ODA và vốn vay ưu đãi

Việt Nam tiếp nhận hai hình thức cung cấp ODA là ODA viện trợ không hoàn lại và ODA vốn vay. Đối với ODA vốn vay yếu tố không hoàn lại ít nhất là 35% đối với các khoản vay có ràng buộc và 25% đối với các khoản vay không ràng buộc.

Nhà tài trợ có thể cung cấp theo 4 phương thức: Hỗ trợ ngân sách; Hỗ trợ chương trình; Hỗ trợ dự án; Viện trợ phi dự án.

Lĩnh vực dự án ưu tiên sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi trong ngành GTVT

Hạ tầng giao thông là lĩnh vực ưu tiên số 1, trong đó cụ thể bao gồm: đường bộ, đường sắt, sân bay, cảng biển và đường thủy nội địa, giao thông đô thị. Ngoài ra, một số lĩnh vực có liên quan hoặc gián tiếp tác động đến ngành GTVT cũng là lĩnh vực ưu tiên sử dụng ODA gồm: khoa học công nghệ, hạ tầng nông thôn, tăng cường năng lực thể chế, bảo vệ môi trường, hỗ trợ chương trình mục tiêu quốc gia.

Lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại: các dự án khó có khả năng thu hút nguồn ngoài ngân sách, có tính phục vụ dân sinh gồm đường bộ địa phương, đường thủy nội địa. Lĩnh vực định hướng sử dụng ODA vốn vay và vốn vay ưu đãi: các dự án có tính chất đột phá về giao thông như giao thông đô thị, đường bộ cao tốc, đường sắt trên các hướng kết nối quốc tế, cảng biển và cảng hàng không quốc tế.

Khu vực tư nhân sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi

Khu vực tư nhân được tiếp cận vốn ODA và vốn vay ưu đãi thông qua 4 hình thức là vay lại từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước để thực hiện các hoạt động phù hợp; vay lại từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình, dự án phù hợp; thực hiện các dự án PPP với phần góp của nhà nước là ODA; thực hiện chương trình dự án có mục tiêu hỗ trợ khu vực tư nhân.

Đặc điểm về sử dụng vốn ODA đối với dự án ngành GTVT

So với nhiều lĩnh vực khác, cho tới nay vốn ODA luôn được Nhà nước và nhà tài trợ ưu tiên sử dụng cho các dự án đầu tư xây dựng và tăng cường thể chế trong lĩnh vực GTVT, đặc biệt là các dự án có quy mô lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng.

Để tiếp tục thu hút sử dụng hiệu quả vốn ODA trong đầu tư xây dựng các công trình giao thông, Việt Nam đã xác định ưu tiên hàng đầu đối với việc bố trí đủ vốn đối ứng, hoàn thiện các thể chế, bộ máy thực hiện để đáp ứng các điều kiện của nhà tài trợ.

c. Chính sách thu hút vốn nước ngoài thực hiện đầu tư kinh doanh vào các lĩnh vực GTVT thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế

Nhà đầu tư nước ngoài có thể thành lập tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện đầu tư kinh doanh (trực tiếp) trong lĩnh vực GTVT phù hợp với các quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Có một số quy định riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với tỷ lệ phần vốn nước ngoài từ 51% trở lên.

Trình tự, thủ tục đầu tư thành lập doanh nghiệp FDI

Trình tự, thủ tục đầu tư thành lập doanh nghiệp FDI có 4 bước cơ bản là Đề xuất dự án đầu tư; Ra quyết định chủ trương đầu tư; Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Triển khai thực hiện dự án đầu tư (cần ký quỹ đảm bảo thực hiện, triển khai dự án).

Chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong lĩnh vực GTVT

Điều kiện chung để thành lập tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài là nhà đầu tư phải được chấp thuận chủ trương đầu tư và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thực hiện đăng ký kinh doanh để thành lập doanh nghiệp.

Nhà đầu tư nước ngoài có thể đề xuất dự án đầu tư (hoặc xin tham gia đầu tư vào dự án đã có đề xuất dự án) cần được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Các dự án đầu tư trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông thường có tổng mức đầu tư lớn, có tính chất trọng nên thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư là Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ để chấp thuận chủ trương đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài đối với dự án GTVT: ngoài đề xuất dự án (và phương án tài chính) là các quy định về điều kiện kinh doanh, phạm vi hoạt động đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Điều kiện kinh doanh, hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực GTVT

Điều kiện chung về thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thông thường (bao gồm cả GTVT) không quá 50 năm.

Nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh chung và các điều kiện đầu tư kinh doanh quy định riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh có điều kiện chung (áp dụng đối với cả nhà đầu tư trong nước) liên quan GTVT gồm có: dịch vụ Logistics; vận tải đường bộ; vận tải đường thủy; vận tải biển; đại lý tàu biển; vận tải đường sắt; vận tải hàng không; dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; dịch vụ cung cấp bảo đảm hoạt động bay; dịch vụ vận tải đa phương thức; dịch vụ bảo đảm hàng hải; dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống cơ sở hạ tầng dùng chung; kinh doanh khai thác cảng biển; kinh doanh cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt; kinh doanh đường sắt đô thị.

Điều kiện đầu tư kinh doanh, hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động đối với nhà đầu tư nước ngoài còn được quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (các điều ước về hàng hải, điều ước về hàng không, các cam kết WTO về dịch vụ và thương mại). Một trong những quy định cơ bản đối với nhà đầu tư nước ngoài là phải đáp ứng các quy định về tỷ lệ vốn nước ngoài cho phép tối đa tùy theo lĩnh vực đầu tư kinh doanh.

Cam kết WTO về tỷ lệ tối đa phần vốn nước ngoài đầu tư tại Việt Nam để kinh doanh các dịch vụ GTVT

Không hạn chế phần vốn nước ngoài (đến 100%) đối với lĩnh vực sau (có liên quan GTVT): dịch vụ xây dựng đối với các thiết kế dân dụng (công trình đường bộ), các dịch vụ liên quan đến máy vi tính (phần mềm).

Phần vốn nước ngoài cho phép tối đa từ 49% đến 51% đối với lĩnh vực sau: hầu hết các dịch vụ vận tải - logistics ở tất cả các chuyên ngành đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, vận tải biển nội địa, vận tải hàng không (trừ vận tải biển quốc tế).

Các ngành nghề kinh doanh khác thuộc lĩnh vực GTVT đều không thuộc danh mục chưa cho phép nhưng cũng chưa có cam kết. Trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài quan tâm, đề xuất dự

án đầu tư không trong danh mục cam kết WTO, thẩm quyền quyết định thuộc về Thủ tướng Chính phủ và Quốc hội.

(Chi tiết danh mục ngành nghề theo cam kết WTO xem tại Phụ Lục 8)

Đặc điểm thu hút đầu tư FDI vào dự án ngành GTVT

Vốn FDI trước đây được đầu tư vào nhiều dự án cầu bến và kho bãi của bến cảng biển (góp vốn thành lập công ty liên doanh, hợp doanh). Hiện nay, đã có một số nhà đầu tư nước ngoài quan tâm đầu tư theo hình thức thành lập doanh nghiệp dự án và đề xuất dự án đối với dự án đường bộ cao tốc, cảng hàng không.

Các chính sách hiện hành (cam kết WTO, chính sách về doanh nghiệp nhà nước) đang hướng tới thu hút đầu tư FDI vào các lĩnh vực vận tải, hỗ trợ vận tải quốc tế (không hạn chế) và nội địa (liên doanh trong nước).

d. Chính sách thu hút vốn nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong lĩnh vực GTVT

Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành GTVT không cần có đề xuất dự án, không thành lập tổ chức kinh tế mới.

Lĩnh vực và mức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp Việt Nam

Pháp luật về GTVT hiện không có quy định hạn chế về mức (tỷ lệ) góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài tại các doanh nghiệp thuộc ngành GTVT quản lý. Từng trường hợp cụ thể được quy định theo phương án cổ phần hóa, chuyển đổi sở hữu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Lĩnh vực được tham gia và mức (tỷ lệ) góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài phụ thuộc vào các điều ước quốc tế về thương mại, dịch vụ (chủ yếu là trong cam kết WTO), phương án chuyển đổi sở hữu vốn nhà nước tại từng doanh nghiệp nhà nước.

Hiện nay, nhà nước Việt Nam đang thực hiện quyền quản lý, kinh doanh khai thác (thông qua các doanh nghiệp nhà nước) đối với kết cấu hạ tầng giao thông chính yếu. Tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước trong ngành GTVT đang được đẩy mạnh thực hiện với chủ trương thoái vốn nhà nước, có khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài tham gia cả về vốn và quản lý điều hành doanh nghiệp đối với những lĩnh vực cần thiết phải đổi mới về công nghệ và quản lý.

Cụ thể, một số doanh nghiệp nhà nước (100% vốn nhà nước) và doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối (trên 50%) thuộc ngành GTVT đang thực hiện cổ phần hóa hoặc tiếp tục thoái vốn nhà nước gồm có Tổng công ty Hàng không Việt Nam – Vietnam Airlines, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - ACV, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - VNR, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Vinalines, Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam - VEC, Tổng công ty Đầu tư phát triển & Quản lý dự án hạ tầng giao thông Cửu Long – CIPM.

Phương án cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp được Bộ GTVT lập trên cơ sở các quy định về cổ phần hóa và chuyển đổi sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước (Nghị định số 71/2013/NĐ-CP; Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg).

Thủ tục thực hiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp Việt Nam

Chi tiết thực hiện việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam (Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg).

e. Chính sách đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công – tư (đầu tư theo Hợp đồng dự án) trong ngành GTVT

Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây gọi tắt là PPP) là hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để thực hiện, quản lý, vận hành dự án kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công.

Quy định về đầu tư theo hình thức hợp đồng PPP hiện nay không phân biệt nhà đầu tư nước ngoài với trong nước. Nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia đầu tư theo các hình thức PPP (phải thành lập doanh nghiệp dự án) nếu thỏa mãn các quy định về điều kiện và phạm vi hoạt động kinh doanh đối với nhà đầu tư nước ngoài (như đã đề cập tại phần c. mục này).

Lĩnh vực đầu tư và phân loại dự án đầu tư theo các hình thức PPP

Các lĩnh vực đầu tư phù hợp ngành giao thông: Dự án xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình kết cấu hạ tầng, cung cấp trang thiết bị hoặc dịch vụ công đối với Công trình kết cấu hạ tầng GTVT và các dịch vụ có liên quan. Các lĩnh vực khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định (Điều 4, Nghị định 15/2015/NĐ-CP).

Các dự án được phân loại theo quy định của pháp luật về đầu tư công, gồm 4 loại (nhóm) là dự án quan trọng quốc gia, các dự án nhóm A, B và C (Điều 7, 8, 9, 10, Luật Đầu tư công 2014).

Hình thức hợp đồng dự án và thẩm quyền ký kết hợp đồng PPP

Có 7 hình thức hợp đồng dự án là BOT, BTO, BT, BOO, BTL, BLT, O&M được quy định trong Nghị định số 15/2015/NĐ-CP. Ngoài ra các loại hợp đồng dự án khác do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án là Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức, cơ quan được ủy quyền (Điều 3, Nghị định 15/2015/NĐ-CP).

Trình tự chung thực hiện dự án đầu tư PPP

Trừ dự án nhóm C, các dự án được thực hiện theo trình tự 6 bước chính: Lập, thẩm định, phê duyệt và công bố dự án; Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán và ký kết thỏa thuận đầu tư, hợp đồng dự án; Thực hiện thủ tục cấp giấy

chứng nhận đăng ký đầu tư và thành lập doanh nghiệp dự án; Triển khai thực hiện dự án; Quyết toán và chuyển giao công trình (Điều 9, Nghị định 15/2015/NĐ-CP).

Phân cấp quản lý và thẩm quyền ký kết và thực hiện dự án đầu tư PPP

Ban chỉ đạo PPP Trung ương đã được thành lập từ năm 2012 (Quyết định số 1624/QĐ-TTg năm 2012) với Trưởng ban là Phó thủ tướng, 2 Phó Trưởng ban là 2 thứ trưởng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các ủy viên là các thứ trưởng của các Bộ khác. Ban chỉ đạo có chức năng giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai thực hiện mô hình đầu tư theo hình thức đối tác công – tư, hoạt động theo quy chế ban hành tại Quyết định số 161/QĐ-BCĐPPP năm 2012.

Bộ GTVT là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án sau khi thực hiện việc phê duyệt dự án và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi (Điều 8, Nghị định 15/2015/NĐ-CP).

Cơ quan đầu mối quản lý hoạt động PPP tại Bộ GTVT là Ban Quản lý các dự án đối tác công - tư (Ban PPP).

Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư và phần tham gia vốn Nhà nước vào dự án PPP

Nhà đầu tư tham dự thầu dự án PPP không được có quan hệ sở hữu cổ phần hay phần vốn góp trên 30% với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu.

Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư dự án. Dự án có vốn trên 1500 tỷ đồng thì phần vốn chủ sở hữu tương ứng với phần vốn đầu tư dự án trên 1500 tỷ không được thấp hơn 10% (Điều 10, Nghị định 15/2015/NĐ-CP).

Vốn Nhà nước sử dụng để thực hiện các hoạt động: Góp vốn để hỗ trợ xây dựng công trình đối với dự án có hoạt động kinh doanh, thu phí từ người sử dụng, nhưng khoản thu không đủ để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận; Thanh toán cho nhà đầu tư cung cấp dịch vụ theo hợp đồng BTL, hợp đồng BLT và các hợp đồng tương tự khác; Hỗ trợ xây dựng công trình phụ trợ, tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Giá trị vốn đầu tư của Nhà nước không quy định cố định (không hạn chế) mà được xem xét trên cơ sở phương án tài chính của dự án; chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước; khả năng huy động, cân đối nguồn vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án. Giá trị vốn Nhà nước được quyết định bởi người có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi (Điều 12, Nghị định 15/2015/NĐ-CP).

Đề xuất dự án, lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức PPP

Đề xuất dự án chủ yếu do cơ quan nhà nước lập nhưng cũng có thể do Nhà đầu tư đề xuất trên cơ sở dự án phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đã công bố.

Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án nhóm A, B và C. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án quan trọng quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Việc lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi hoặc chỉ định thầu (có ưu đãi đối với nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc đề xuất dự án). Điều kiện, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư và ưu đãi đối với nhà đầu tư trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Chi tiết về lựa chọn nhà đầu tư có hướng dẫn tại Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

Ưu đãi, hỗ trợ và đảm bảo đầu tư

Nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi chung về đầu tư như ưu đãi thuế (miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu), miễn, giảm tiền sử dụng đất dự án.

Căn cứ vào tính chất và yêu cầu thực hiện dự án, Thủ tướng Chính phủ chỉ định cơ quan thay mặt Chính phủ bảo lãnh cung cấp nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ và các nghĩa vụ hợp đồng khác cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án hoặc các doanh nghiệp khác tham gia thực hiện dự án và bảo lãnh nghĩa vụ của các doanh nghiệp nhà nước bán nhiên liệu, nguyên liệu, mua sản phẩm, dịch vụ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án.

Nhà đầu tư được bảo đảm các quyền và hỗ trợ: Quyền thế chấp tài sản (bao gồm quyền sử dụng đất), quyền kinh doanh công trình dự án; bảo đảm cân đối ngoại tệ; Bảo đảm cung cấp các dịch vụ công cộng; Bảo đảm về quyền sở hữu tài sản.

Đặc điểm thu hút vốn nước ngoài đầu tư vào dự án ngành GTVT theo hình thức PPP

Nhà đầu tư nước ngoài được tham gia các dự án ngành giao thông theo hình thức PPP với nhiều hình thức đa dạng như dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng giao thông (BOT, BT, ...), dự án nhượng quyền quản lý, kinh doanh khai thác hạ tầng (O&M), dự án cung cấp dịch vụ công thuộc ngành giao thông vận tải (O&M).

Đối với các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng giao thông, doanh nghiệp có thể tham gia đầu tư xây dựng để thu phí hoàn vốn, hưởng quyền khai thác có thời hạn hoặc được hưởng thêm các quyền lợi khác theo phương án tài chính của dự án.

Đối với các dự án nhượng quyền quản lý, kinh doanh khai thác hạ tầng giao thông đang do nhà nước quản lý, nhà đầu tư nước ngoài được tham gia trên cơ sở phù hợp với từng phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (đang quản lý hạ tầng), đồng thời cũng tuân theo các quy định về tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế của Việt Nam.

Đối với các dự án cung cấp dịch vụ công thuộc ngành GTVT, nhà đầu tư có thể đăng ký tham gia hoặc đề xuất dự án trên cơ sở phù hợp các quy định về tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế của Việt Nam.

3.3. Một số chính sách cụ thể về ưu đãi, đảm bảo đầu tư đối với dự án đầu tư ngành GTVT

Nhóm chính sách về ưu đãi thuế

Lĩnh vực đầu tư được hưởng ưu đãi thuế VAT với thuế suất bằng 0% là vận tải quốc tế (Luật Thuế giá trị gia tăng). Doanh nghiệp đầu tư dự án BOT được hoàn 100% thuế VAT đối với chi phí đầu vào ngay trong giai đoạn thực hiện dự án xây dựng công trình (Thông tư số 28/2011/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế).

Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư phát triển hạ tầng đặc biệt quan trọng, được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là áp thuế suất thấp hơn (thường là 50% mức phổ thông) và kéo dài thời gian áp dụng thuế suất thấp (đến 15 năm). Ưu đãi kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi áp dụng đối với dự án đầu tư hạ tầng bao gồm: cầu, đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, sân bay, nhà ga (Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, máy móc nhập khẩu phục vụ dự án ODA (Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), và đối với phụ tùng, linh kiện thuộc loại trong nước chưa sản xuất được để sản xuất, lắp ráp phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg).

Nhóm chính sách về phí, lệ phí

Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ, thực hiện công việc mà pháp luật quy định được thu phí, lệ phí (Pháp lệnh Phí và lệ phí 2001).

Chính phủ đã quy định chi tiết danh mục gồm 19 loại phí thuộc lĩnh vực giao thông vận tải (Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BTC các nghị định về phí và lệ phí), trong đó bao gồm các loại phí sử dụng kết cấu hạ tầng (Chi tiết xem Phụ lục 7). Các loại phí quan trọng đã có quy định cụ thể (tổ chức thu, mức thu và sử dụng) và hiện đang thực hiện thu gồm có phí sử dụng đường bộ (để hoàn vốn dự án kinh doanh), phí sử dụng đường bộ (thu qua đầu phương tiện); phí trọng tải, lệ phí ra, vào cảng, bến; các loại phí của ngành hàng không (Luật hàng không dân dụng).

Nhà đầu tư kinh doanh cũng được thu các loại cước phí, giá dịch vụ khác thuộc lĩnh vực GTVT theo quy định trong các luật, bộ luật chuyên ngành như cước phí vận tải, cước phí xếp dỡ, phí và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không (trong đó có phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không), phí, giá dịch vụ chuyên ngành hàng hải và cảng biển (Luật Giao thông đường bộ, Luật Đường sắt, Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Hàng không dân dụng, Bộ luật Hàng hải).

Hiện nay, Bộ tài chính đang dự thảo Luật Phí và lệ phí, Bộ GTVT cũng đang có chủ trương nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các loại phí chưa có quy định chi tiết trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng đường sắt, luồng đường thủy nội địa, luồng hàng hải đầu tư mới. Dự thảo Luật phí và lệ phí sẽ theo hướng loại bỏ một số phí, lệ phí không phù hợp hoặc chuyển sang cơ chế giá cho phù hợp điều kiện thực tế.

Một số trường hợp được miễn phí, lệ phí như lệ phí trước bạ đối với phương tiện được đầu tư để phục vụ vận tải khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch (Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg).

Nhóm chính sách về đất đai

Đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông có mục đích công cộng, Nhà nước thực hiện giải phóng mặt bằng để giao đất cho chủ đầu tư dự án.

Các công trình hạ tầng giao thông công cộng (không có mục đích kinh doanh) được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất (Luật Đất đai 2013).

Nhà nước giao hoặc cho thuê đất có thu tiền đối với đất sử dụng cho các công trình giao thông có mục đích kinh doanh (dự án BOT, BOO) và có thể được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong các trường hợp: Đất xây dựng kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay; đất xây dựng cơ sở, công trình cung cấp dịch vụ hàng không; đất xây dựng các hạng mục bắt buộc của bến xe khách; Sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho; Đất do Nhà nước giao thực hiện dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BT, BOT. Mức giảm phổ biến là 50% (Luật Đất đai 2013).

Nhóm chính sách về hỗ trợ tài chính

Các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng bến xe khách được chính quyền địa phương hỗ trợ tối đa đến 20% lãi suất vay vốn.

Các dự án đầu tư kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phương tiện, chính sách trợ giá, hỗ trợ chi phí hoạt động khác từ nguồn ngân sách địa phương.

PHẦN 3

CÁC ĐỊNH HƯỚNG CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VỀ GIẢI PHÁP ƯU TIÊN, ĐỘT PHÁ VÀ DANH MỤC DỰ ÁN, LĨNH VỰC DỰ KIẾN KÊU GỌI, THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI GIAI ĐOẠN 2016-2020

4.1. Các định hướng của ngành GTVT về giải pháp ưu tiên, đột phá thu hút vốn đầu tư nước ngoài

a. Định hướng chung các giải pháp ưu tiên, đột phá thu hút vốn nước ngoài của ngành GTVT

Trên cơ sở đề án Đề án Tái cơ cấu ngành GTVT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững (quyết định số 1210/QĐ-TTg năm 2014), Bộ GTVT đã xây dựng và phê

duyet các đề án để chi tiết hóa các chủ trương, giải pháp thu hút đầu tư ngoài ngân sách (trong nước và nước ngoài).

Chi tiết về các quyết định phê duyệt và nội dung các đề án tại Phụ lục 4. Một số nội dung chính như sau:

Nguyên tắc thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách vào ngành GTVT

Đảm bảo vai trò quản lý của Nhà nước trong tất cả các hoạt động liên quan kết cấu hạ tầng giao thông công cộng do nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng hoặc nhận chuyển giao kinh doanh và quản lý.

Nhà nước vẫn thống nhất sở hữu đất đai, nhà đầu tư vào các dự án xây dựng giao thông được giao đất, cho thuê đất chỉ được quyền sử dụng đất đúng mục đích.

Không thực hiện chuyển nhượng, chuyển đổi sở hữu, cho phép đầu tư kinh doanh đối với các hạ tầng, dịch vụ giao thông liên quan trực tiếp đến quốc phòng – an ninh.

Nhà đầu tư có trách nhiệm vận hành, khai thác, bảo trì, đầu tư nâng cấp theo kế hoạch, quy hoạch đối với hạ tầng, dịch vụ công theo đúng quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn.

Dự án nhượng quyền đầu tư kinh doanh hạ tầng, dịch vụ công phải được định giá, thẩm định phương án tài chính, phương án kinh doanh đảm bảo công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích các bên, không dẫn tới độc quyền hay ảnh hưởng đến lợi ích doanh nghiệp khác.

Một số định hướng giải pháp ưu tiên chung về thu hút đầu tư nước ngoài

Hoàn thiện chính sách phí và giá dịch vụ tiếp cận thông lệ quốc tế, minh bạch rõ ràng, trong đó bao gồm việc xây dựng phí sử dụng hạ tầng đối với đường thủy, đường sắt, đường bộ cao tốc, luồng hàng hải để thu hút đầu tư và hoàn vốn.

Tăng cường năng lực cho cơ quan đầu mối quản lý hoạt động PPP tại Bộ GTVT, hướng tới xây dựng một đơn vị chuyên trách và tương đối độc lập về xúc tiến dự án PPP. Lập quỹ hoặc nghiên cứu cơ chế tạo nguồn vốn xúc tiến các dự án PPP để lập dự án đầu tư có chất lượng, phù hợp quốc tế, thu hút sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài.

Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm quốc tế về triển khai dự án PPP, đặc biệt là đối với việc đa dạng hóa các hình thức hoàn trả chi phí dự án, kinh nghiệm đàm phán hợp đồng, nghiên cứu chính sách và cơ chế liên quan đến bảo lãnh doanh thu, tái cấp vốn cho giai đoạn vận hành các dự án PPP về xây dựng hạ tầng giao thông.

Triển khai nghiên cứu xây dựng các mô hình chuyển nhượng và quản lý sau chuyển nhượng đối với các dự án chuyển nhượng quyền quản lý và khai thác kết cấu hạ tầng (O&M) đặc thù riêng từng chuyên ngành giao thông.

Nghiên cứu và đề xuất khả năng cho phép vốn nước ngoài được tham gia rộng hơn đối với một số lĩnh vực kinh doanh hạ tầng và dịch vụ giao thông vận tải đang có quy định về tỷ lệ nắm giữ vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành giao thông và các quy định đối với kinh

doanh dịch vụ vận tải tại các cam kết WTO. Hướng nghiên cứu và kiến nghị là phân tách các hạng mục của hạ tầng, dịch vụ ra thành các nhóm yếu tố có tính chất trọng yếu và không trọng yếu về quốc phòng an ninh để có quy định phù hợp hơn đối với nhóm những yếu tố không trọng yếu, nhà nước hoặc trong nước không cần nắm giữ, kể cả đối với đường sắt, hàng hải, hàng không.

Định hướng ưu tiên sử dụng nguồn vốn và hình thức dự án

Ưu tiên sử dụng vốn ODA cho các dự án không có hoặc ít có khả năng hoàn vốn, dự án cần có sự tham gia của nhà nước. Tiếp tục xem xét mở rộng cho khối doanh nghiệp và tư nhân được sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi, sử dụng hợp lý nguồn vốn kết hợp giữa ODA với vay thương mại thông thường (OCR).

Ưu tiên thu hút vốn nước ngoài đầu tư trực tiếp đối với các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải, hỗ trợ vận tải, đầu tư hạ tầng có tính chất chuyên dùng (cầu bến cảng biển, cảng sông, sân bay chuyên dụng, đường sắt chuyên dùng).

Đẩy mạnh thực hiện các hình thức dự án PPP có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài áp dụng cho tất cả các kết cấu hạ tầng giao thông có tính chất chủ yếu phục vụ cộng đồng rộng rãi hoặc có tính chất tạo đột phá chiến lược về giao thông (như quốc lộ trục chính, cao tốc mới chưa có tuyến song hành, cảng biển quốc tế, cảng hàng không quốc tế, đường sắt trục Bắc - Nam).

b. Định hướng các giải pháp ưu tiên, đột phá thu hút vốn nước ngoài các chuyên ngành GTVT

Chuyên ngành đường bộ

Đối với các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường bộ, ưu tiên sử dụng vốn ODA cho các dự án đường bộ ở khu vực miền núi, vùng khó khăn và sử dụng làm phần vốn góp của Nhà nước vào các dự án PPP. Ưu tiên thu hút vốn FDI, vốn vay ưu đãi kết hợp vay thương mại đầu tư vào các dự án xây dựng, chuyển nhượng khai thác đường bộ cao tốc thông qua các hình thức PPP (ưu tiên BOT, O&M). Danh mục công trình, dự án có định hướng ưu tiên vốn nước ngoài dự kiến có quy mô vốn đầu tư khoảng từ 5.000 tỷ đồng (250 triệu USD) trở lên.

Đối với các dự án liên quan đến khai thác kinh doanh vận tải, dịch vụ đường bộ, chỉ ưu tiên sử dụng vốn ODA đối với các tiểu dự án, hợp phần về tăng cường năng lực, thể chế, công cụ hỗ trợ quản lý, khai thác hạ tầng và vận tải. Thu hút đầu tư nước ngoài trực tiếp FDI đối với lĩnh vực kinh doanh vận tải đa phương thức và các dịch vụ hỗ trợ vận tải.

Chuyên ngành đường sắt

Đối với các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, ưu tiên sử dụng vốn ODA (nhà nước hoặc cho doanh nghiệp vay lại) cho các dự án xây dựng, nâng cấp tuyến đường sắt trục quốc gia, đường sắt kết nối quốc tế, đường sắt đô thị và bổ sung cho các dự án PPP (sử dụng như phần tham gia của nhà nước). Ưu tiên thu hút vốn FDI đầu tư vào các dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ vận tải, xây dựng và kinh doanh nhà ga, kho bãi, một số dự án thí điểm chuyên

nhượng khai thác tuyến đường sắt, ga đường sắt thông qua các hình thức PPP, trước hết là trên tuyến có lợi thế thương mại. Công trình, dự án có định hướng ưu tiên vốn nước ngoài dự kiến có quy mô vốn đầu tư khoảng từ 1.000 tỷ đồng (50 triệu USD) đối với ga, bãi hàng.

Đối với các dự án khai thác kinh doanh vận tải, dịch vụ đường sắt, định hướng mở rộng các hình thức kinh doanh vận tải kết hợp phi vận tải để thu hút vốn FDI tham gia mua lại cổ phần và nhận chuyển nhượng quyền kinh doanh dịch vụ vận tải và dịch vụ tại ga, bãi hàng khi nhà nước thoái vốn khỏi VNR. Nghiên cứu khả năng áp dụng hình thức PPP (O&M) với đơn vị liên doanh đối với kinh doanh khai thác đường sắt đô thị.

Để thực hiện định hướng này, Bộ GTVT sẽ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chi tiết hơn về tỷ lệ nắm giữ vốn nhà nước trong phương án cổ phần hóa VNR, cụ thể hóa đối với lĩnh vực kinh doanh khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt (không bao gồm quản lý), đề xuất và phối hợp xây dựng quy định về phí, lệ phí đường sắt, nghiên cứu đa dạng hóa hình thức hoàn trả vốn đầu tư tham gia các dự án xây dựng ga, kho bãi, kết hợp các chức năng khác như cảng cạn, trung tâm thương mại, ...

Chuyên ngành đường thủy nội địa

Đối với các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cảng bến, ưu tiên sử dụng một phần vốn ODA đầu tư xây dựng, nâng cấp một số cảng chính khu vực có vai trò thúc đẩy phát triển đường thủy nội địa để giảm tải cho đường bộ. Đối với các cảng khác, tiếp tục thu hút vốn đầu tư FDI theo hình thức nhà đầu tư tự đầu tư, tổ chức khai thác, được thu các loại cước, phí để hoàn vốn như hiện nay. Quy mô vốn của dự án dự kiến thu hút FDI là từ 200 tỷ đồng (10 triệu USD).

Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp luồng tuyến đường thủy nội địa (bao gồm cả nâng cấp khoang thông thuyền, âu tàu); đường kết nối cảng, bến thủy nội địa, bước đầu triển khai thí điểm thu hút nhà đầu tư tham gia dự án PPP với hình thức hoàn trả vốn qua thu phí, quyền khai thác kinh doanh và các lợi ích khác liên quan như quyền sử dụng quỹ đất ven sông.

Đối với lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải, hỗ trợ vận tải, thực hiện thu hút đầu tư FDI tham gia với tỷ lệ vốn nước ngoài như cam kết WTO.

Để thực hiện định hướng này, Bộ GTVT sẽ triển khai đề xuất, xây dựng hoàn thiện chính sách phí đường thủy nội địa; tiếp tục, hoàn thiện để trình ban hành chính sách ưu đãi đầu tư phát triển giao thông đường thủy, bao gồm chính sách hỗ trợ tài chính.

Chuyên ngành hàng hải

Đối với các dự án đầu tư xây dựng luồng hàng hải, xây dựng hạ tầng chung cảng biển quốc gia, cảng biển đầu mối khu vực và xây dựng các bến cảng có vai trò khởi động để thúc đẩy đầu tư, ưu tiên các hình thức dự án PPP có sử dụng vốn ODA, vốn ngân sách để thu hút nhà đầu tư nước ngoài. Các bến cảng khác tiếp tục thu hút vốn FDI trực tiếp như hiện nay. Quy mô vốn của dự án dự kiến thu hút FDI là từ 500 tỷ đồng (25 triệu USD) trở lên.

Đối với các dự án đầu tư hệ thống hỗ trợ hàng hải (VTS), khu neo đậu tránh trú bão: nhà đầu tư tham gia đầu tư và được thu phí, giá dịch vụ để hoàn vốn.

Đối với các dự án nhượng quyền khai thác bến cảng biển, chuyển đổi sở hữu và thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp quản lý, kinh doanh cảng biển do nhà nước đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài được tham gia trên cơ sở cạnh tranh theo phương án được duyệt.

Đối với các dự án kinh doanh dịch vụ vận tải, hỗ trợ vận tải, tiếp tục thu hút đầu tư FDI với tỷ lệ tham gia vốn nước ngoài theo cam kết WTO.

Để thực hiện định hướng này, Bộ GTVT có các định hướng hoàn thiện chính sách: chính sách phí đảm bảo hàng hải đối với tuyến đầu tư nâng cấp, xây dựng mới.

Chuyên ngành hàng không

Đối với dự án xây dựng kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay, tích cực thu hút nhà đầu tư tham gia đầu tư dự án theo hình thức PPP đối với các cảng hàng không đã công bố kêu gọi đầu tư nước ngoài, thí điểm triển khai dự án PPP đối với đầu tư xây dựng các hạng mục thương mại như nhà ga hàng hóa, hạ tầng và dịch vụ bảo dưỡng tàu bay. Quy mô vốn của dự án dự kiến thu hút FDI đầu tư vào hạ tầng là từ 1.000 tỷ đồng (50 triệu USD).

Đối với các dự án chuyển nhượng quyền kinh doanh KCHT, trước mắt chỉ thực hiện thí điểm cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia dự án chuyển nhượng đối với một số hạng mục như nhà ga hàng hóa, nhà ga hành khách.

Đối với các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải, hỗ trợ vận tải hàng không: thực hiện theo cam kết WTO.

Để thực hiện định hướng ưu tiên này, Bộ GTVT có các định hướng hoàn thiện chính sách: tích cực xây dựng các phương án chi tiết về đầu tư, chuyển nhượng quyền kinh doanh hạ tầng cảng hàng không để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép nhà đầu tư nước ngoài tham gia các dự án PPP. Đề xuất sửa đổi quy định để không hạn chế tỷ lệ sở hữu vốn nước ngoài đối với đầu tư và kinh doanh công trình thương mại tại các cảng hàng không, sân bay; các công trình đầu tư sân bay chuyên dụng. Hoàn thiện chính sách về phí, giá dịch vụ theo hướng phù hợp với chất lượng dịch vụ, chi phí đầu tư. Trình Chính phủ xem xét, hỗ trợ, cho phép vay ưu đãi, bảo lãnh vay thương mại, tạo cơ chế, chính sách thuận lợi (thuế, đất đai,...) đối với các doanh nghiệp trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng hàng không.

Các lĩnh vực khác

Ưu tiên thu hút và bố trí sử dụng vốn ODA đầu tư cho các lĩnh vực sau:

+ Xây dựng chiến lược, quy hoạch, lập đề xuất dự án, lập dự án đầu tư và các công tác chuẩn bị dự án đầu tư.

+ Tăng cường năng lực thể chế, quản lý.

+ Tăng cường năng lực hoạt động khoa học công nghệ, đào tạo: tranh thủ các nguồn vốn ODA, tài trợ để đào tạo cán bộ nghiên cứu khoa học công nghệ và khoa học kinh tế phục vụ phát triển khoa học công nghệ GTVT.

+ Đầu tư phát triển các dịch vụ hỗ trợ vận tải và hạ tầng, dịch vụ Logistics: Vận động, thu hút đầu tư trước mắt ưu tiên đối với sản phẩm vận tải hàng hóa đường bộ, nghiên cứu lập dự án phát triển các trung tâm Logistics.

4.2. Danh mục dự án dự kiến và các chỉ dẫn cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải

a. Tổng hợp danh mục dự án kiến thu hút đầu tư nước ngoài đến năm 2020

TT	Chuyên ngành, lĩnh vực	Tổng số dự án / nhóm dự án dự kiến kêu gọi đầu tư nước ngoài
1	Đường bộ	26
2	Đường sắt	10
3	Hàng không	7
4	Hàng hải	9
5	Đường thủy nội địa	8
6	Giao thông đô thị	8
	Tổng số:	68

b. Chỉ dẫn về thông tin, tài liệu cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào ngành GTVT

Phụ lục 1A đến 1F: Danh mục các dự án (hoặc nhóm dự án) đã công bố và dự kiến kêu gọi đầu tư nước ngoài.

Phụ lục 2: Danh mục các doanh nghiệp có vốn nhà nước sẽ tiếp tục thoái vốn nhà nước hoặc sẽ cổ phần hóa.

Phụ lục 3: Danh mục các đầu mối liên hệ liên quan dự án GTVT, gồm các đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin chi tiết về các dự án.

Phụ lục 4: Danh mục các quyết định phê duyệt quy hoạch các chuyên ngành, các đề án huy động vốn xã hội hóa để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, cung cấp đầy đủ thông tin về quy hoạch và chính sách thu hút đầu tư cụ thể theo chuyên ngành, lĩnh vực.

Phụ lục 5: Danh mục các văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư và đầu tư nước ngoài.

Phụ lục 6: Danh mục một số nhà đầu tư tham gia kinh doanh kết cấu hạ tầng giao thông.

Phụ lục 7: Danh mục phí, lệ phí thuộc lĩnh vực GTVT.

Phụ lục 8: Danh mục ngành nghề theo cam kết WTO có liên quan lĩnh vực GTVT.

c. Chỉ dẫn về đầu mối liên hệ cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư trực tiếp dự án ngành GTVT

Nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia đầu tư kinh doanh trực tiếp vào các lĩnh vực GTVT không thuộc phạm vi đầu tư công, theo quy định tại Luật Đầu tư 2014.

Loại thông tin	Chỉ dẫn đầu mối liên hệ chi tiết (tùy theo tính chất dự án đầu tư)	
	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng (bến xe, bãi đỗ xe, bến cảng biển, cảng sông, kho bãi, cảng cạn, ...)	Dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ vận tải, hỗ trợ vận tải, v.v
Thông tin về lĩnh vực, điều kiện kinh doanh	Sở Kế hoạch và đầu tư nơi có dự án hoặc nơi dự kiến đặt trụ sở doanh nghiệp. (hoặc thông qua các dịch vụ tư vấn đầu tư)	
Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi có dự án hoặc nơi dự kiến đặt trụ sở doanh nghiệp dự án.	
Thông tin thêm về quy hoạch ngành, lĩnh vực (các đầu mối liên hệ thuộc Bộ GTVT)	(tùy theo chuyên ngành) - Tổng cục Đường bộ Việt Nam - Cục Hàng hải Việt Nam - Cục Đường sắt Việt Nam - Cục Hàng không Việt Nam - Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	(tùy theo chuyên ngành) - Tổng cục Đường bộ Việt Nam - Cục Hàng hải Việt Nam - Cục Đường sắt Việt Nam - Cục Hàng không Việt Nam - Cục Đường thủy nội địa Việt Nam - Cục Đăng kiểm Việt Nam
Chỉ dẫn khác	Dự án liên quan đến hạ tầng, dịch vụ công phải phù hợp với quy hoạch được duyệt; lĩnh vực kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài phải phù hợp cam kết WTO	

d. Chỉ dẫn về đầu mối liên hệ cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư dự án PPP thuộc ngành GTVT

Loại thông tin	Chỉ dẫn đầu mối liên hệ chi tiết (tùy theo tính chất dự án PPP)		
	Dự án đầu tư xây dựng để kinh doanh kết cấu hạ tầng công cộng	Dự án nhượng quyền vận hành, kinh doanh, quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Dự án đầu tư cung cấp dịch vụ công về vận tải, hỗ trợ vận tải, v.v
Thông tin về đề xuất dự án và lập dự án đầu tư (các đầu mối liên hệ thuộc Bộ GTVT)	- Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư (Ban PPP - Bộ GTVT). - Các đơn vị phối hợp: Vụ Kế hoạch - Đầu tư; Vụ Hợp tác quốc tế; các cơ quan quản lý chuyên ngành.	- Các cơ quan quản lý chuyên ngành: Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Cục Hàng hải Việt Nam; Cục Đường sắt Việt Nam; Cục Hàng không Việt Nam; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.	- Các cơ quan quản lý chuyên ngành: Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Cục Hàng hải Việt Nam; Cục Đường sắt Việt Nam; Cục Hàng không Việt Nam; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.
Thẩm quyền quyết định Chủ trương đầu tư	Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tùy quy mô, tính chất dự án.		
Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Sở Kế hoạch và đầu tư nơi có dự án hoặc nơi dự kiến đặt trụ sở doanh nghiệp dự án		
Chỉ dẫn khác	Dự án liên quan đến hạ tầng, dịch vụ công phải phù hợp với quy hoạch được duyệt; lĩnh vực kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài phải phù hợp cam kết WTO		

Thông tin chi tiết về website, địa chỉ của các đầu mối liên hệ xem tại Phụ lục 3.

PHỤ LỤC 1A

DANH MỤC DỰ ÁN ĐÁ CÔNG BỐ VÀ DỰ KIẾN KẾ GỢI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TỚI NĂM 2020 (ĐƯỜNG BÒ)

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Thông số kỹ thuật	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)	Hình thức đầu tư	Địa chỉ liên hệ	Ghi chú
1	Dự án xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết (tách 2 dự án Dầu Giây - Xuân Lộc; Xuân Lộc - Phan Thiết)	Đồng Nai và Bình Thuận	Chiều dài 98 km, đường cao tốc loại A, vận tốc thiết kế 100-120km/h, giai đoạn hoàn chỉnh 6 làn xe, giai đoạn 1 xây dựng 4 làn xe cao tốc.	757	PPP (BOT + ODA)	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
2	Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 3 TP HCM đoạn Tân Vạn - Nhơn Trạch	TPHCM, Đồng Nai, Bình Dương	Chiều dài 17 km, đường cao tốc loại A, vận tốc thiết kế 100km, giai đoạn hoàn chỉnh 8 làn xe cao tốc, giai đoạn 1 xây dựng 4 làn xe cao tốc.	400	BOT / ODA	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư, Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
3	Xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long; đoạn Nội Bài - Bắc Ninh	Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh	Chiều dài 34 km (cả tuyến 148km); đường cao tốc loại A quy mô 4 làn xe cấp 100-120km/h.	110	PPP (BOT)	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư, Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
4	Xây dựng đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn	Quảng Trị, Thừa Thiên Huế	Chiều dài 102 km, 4 làn xe, giai đoạn hoàn chỉnh là 6 làn xe, vận tốc thiết kế 100-120km/h.	388	BT	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư, Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
5	Xây dựng cao tốc vành đai III Hà Nội đoạn Mai Dịch - Nam Thăng Long	Hà Nội	Đường trên cao đô thị, chiều dài 5,36km, vận tốc thiết kế 100km/h, quy mô 4 làn xe.	250	PPP (BOT)	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư, Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
6	Nâng cấp QL91 đoạn Cán Thơ - Lộ Tè (tiểu dự án 2 từ KM14-KM50)	Cần Thơ - An Giang	Đường cấp III đồng bằng, chiều dài 36,8km, quy mô 4 làn xe.	120	PPP (BOT)	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư, Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
7	Đường liên cảng, huyện Nhơn Trạch	Đồng Nai	Tiêu chuẩn thiết kế đường cấp 60, vận tốc tối đa 60km/h. Chiều dài toàn tuyến 15 km	255	PPP	Sở KHĐT Đồng Nai; BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
8	Xây dựng nhà ga hành khách xe bus tại bến xe Chợ Lớn hiện hữu	TPHCM	Mô hình nhà ga hành khách xe buýt đa chức năng phục vụ hành khách kết hợp kinh doanh thương mại và phục vụ công đồng. Tổng diện tích 9035 m ² , thời gian khai thác 40 năm.	50	PPP	Sở Giao thông vận tải TPHCM	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
9	Đường nối trung tâm TP Quảng Ngãi - cảng Dung Quất II	Quảng Ngãi	Công trình giao thông nhóm A, đường cấp I đồng bằng. Nhu cầu sử dụng đất khoảng 140 ha	71	PPP	Sở KHĐT Quảng Ngãi	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
10	Xây dựng cao tốc Ninh Bình - Thanh Hóa (Nghị Sơn)	Ninh Bình và Thanh Hóa	Đoạn thuộc cao tốc Bắc - Nam, dài 106 km; Cao tốc loại A, vận tốc TK 100 - 120 km/h	847	PPP (BOT)	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
11	Xây dựng Cao tốc Thanh Hóa (Nghị Sơn) - Vinh	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh	Đoạn thuộc cao tốc Bắc - Nam, dài 79 km; cao tốc 120 km/h (phần hầm có vận tốc TK 80 km/h)	842	PPP (BOT)	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
12	Xây dựng Cao tốc Dầu Giây - Liên Khương (tách 3 dự án: Dầu Giây - Tân Phú; Tân Phú - Bảo Lộc; Bảo Lộc - Liên	Tỉnh Đồng Nai, Lâm Đồng	dài 199,6 km (tách 3 đoạn 74 km; 41 km; 85 km); Cao tốc loại A, 4 làn xe, vận tốc TK 80-120 km/h	1.757	PPP (BOT)	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg



13	(Khương) Xây dựng Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu; đoạn Biên Hòa - Tân Thành (giai đoạn Tân Thành - Vũng Tàu).	Tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu	Dài 75 km (tách 2 đoạn 47 km; 28 km); Cao tốc loại A; 6 làn xe; vận tốc TK 100 -120 km/h. Giai đoạn 1 dài 46,8 km; 4 làn xe hạn chế. Giai đoạn 2 có 6 làn	390	PPP (BOT)	BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
14	Xây dựng Cao tốc Quảng Ngãi - Quy Nhơn	Tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định	Đoạn thuộc cao tốc Bắc - Nam, dài 159 km; 4 làn, vận tốc TK 80-100 km/h	1.430	PPP (BOT)	BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
15	Dự án Tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường quốc gia GD III	Toàn quốc		376	ODA	Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Vụ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
16	Xây dựng Cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ	Tiền Giang, Cần Thơ	Dài 24 km, 4 làn xe, vận tốc TK 100 km/h	252	PPP (BOT)	BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
17	Xây dựng cao tốc TP.Hồ Chí Minh - Mộc Bài (Giai đoạn 1)	TP.Hồ Chí Minh, Tây Ninh	Dài 55 km; GD hoàn chỉnh: Đường cao tốc loại A, 6-8 làn xe, V=120km/h	333	PPP (BOT + ODA)	BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
18	Xây dựng đường cao tốc Nha Trang - Phan Thiết	Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận	Chiều dài 235 km, đường cao tốc loại A, vận tốc thiết kế 120 km/h, giai đoạn hoàn chỉnh 6 làn xe, giai đoạn 1 xây dựng 4 làn xe cao tốc.	1.405	PPP (BOT + ODA)	BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
19	Xây dựng cao tốc vành đai 3 TP. HCM; đoạn Bình Chuẩn - QL22 - CT TP. HCM - Trung Lương	Bình Dương, TP. HCM	Dài 47 km, 6-8 làn xe, vận tốc TK 80-100 km/h	1.095	PPP (BOT)	BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
20	Dự án Kết nối khu vực trung tâm đồng bằng Mekong - DATP 4: Xây dựng tuyến tránh TP. Long Xuyên và tuyến nối QL Mỹ An - Cao Lãnh	Đồng Tháp	Đường cấp III đồng bằng, 2 làn xe	163	PPP (BOT + ODA)	Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Vụ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
21	Dự án Kết nối khu vực trung tâm đồng bằng Mekong - DATP 5: Xây dựng tuyến tránh TP. Long Xuyên và tuyến nối QL 91	Đồng Tháp, Long An	Đường cấp III đồng bằng, 2 làn xe	154	PPP (BOT + ODA)	Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Vụ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
22	Dự án xây dựng, nâng cấp đường Hành lang ven biển phía Nam - DATP 4 (địa bàn Cà Mau).	Cà Mau	Đường cấp III đồng bằng, 2 làn xe	59	PPP (BOT + ODA)	Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Vụ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
23	Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương	Toàn quốc		435	ODA	Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Vụ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
24	Kết nối giao thông khu vực cao nguyên và duyên hải miền trung	vùng Tây Nguyên và miền Trung		170	ODA	Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Vụ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
25	Nhượng quyền kinh doanh tuyến đường bộ cao tốc đang khai thác (đầu tư bằng vốn nhà nước, vốn vay ODA): Nội Bài - Lào Cai; TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây; Gié - Ninh Bình.	đa bán nhiều tỉnh, thành phố	Các tuyến đường cao tốc 2-5 làn, tốc độ TK 80-100 km/h, lưu lượng hiện tại 15.000 - 100.000 pcu	Thu về NSNN (chưa xác định)	PPP (O&M)	Tổng cục Đường bộ Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
26	Nhượng quyền kinh doanh tuyến đường bộ cao tốc đang xây dựng (đầu tư bằng vốn nhà nước, vốn vay ODA): Đà Nẵng - Quảng Ngãi; Bến Lức - Long Thành.	TP. Đà Nẵng, Quảng Ngãi	Là bộ phận của cao tốc trục Bắc - Nam, dài 139 km, tốc độ TK 120 km/h, 4 làn xe giai đoạn 1, Tổng công ty VEC đầu tư bằng vốn ODA khoảng 1472 triệu USD	Thu về NSNN (chưa xác định)	PPP (O&M)	BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến

PHỤ LỤC 1B

DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ CÔNG BỐ VÀ DỰ KIẾN KÈU GỌI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TỚI NĂM 2020 (ĐƯỜNG SẮT)

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Thông số kỹ thuật	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)	Hình thức đầu tư	Địa chỉ liên hệ	Ghi chú
1	Cải tạo vào cấp KT đường sắt tuyến HN-HCM: đoạn Hà Nội - Vinh	các tỉnh từ Hà Nội đến Nghệ An	Cải tạo tuyến hiện có dài ..., đường đơn, khổ 1000, tốc độ tàu khách bq 80-90 km/h, tàu hàng bq 50-60 km/h	627	PPP (BOT + ODA) / ODA	Cục Đường sắt Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
2	Cải tạo đường sắt khu vực đèo Hải Vân	Thừa Thiên Huế, TP. Đà Nẵng	Làm mới hầm đường sắt đường đơn, khổ 1000; xây dựng mới 1 ga, cải tạo 1 ga; xây dựng mới đoạn 6 km; một số cầu 2 dầm cửa năm. Thời gian hoàn trả 30 năm	328	ODA	Cục Đường sắt Việt Nam; Vụ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
3	Cải tạo đường sắt khu vực đèo Khe Nét	Quảng Bình	Đoạn dài 9 km; làm mới hầm đường sắt đường đơn, khổ 1000; cải tạo 1 ga; xây dựng mới đoạn tuyến, đường ngang một số cầu công trong khu đoạn.	92	ODA	Cục Đường sắt Việt Nam; Vụ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
4	Cải tạo vào cấp KT đường sắt tuyến HN-HCM: đoạn Nha Trang - Sài Gòn	các tỉnh từ Khánh Hòa đến TP. Hồ Chí Minh	Cải tạo tuyến hiện có dài ..., đường đơn, khổ 1000, tốc độ tàu khách bq 80-90 km/h, tàu hàng bq 50-60 km/h	1.054	PPP (BOT + ODA) / ODA	Cục Đường sắt Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
5	Xây dựng đường sắt vào cảng cửa ngõ QT Hải Phòng (Lạch Huyện)	TP. Hải Phòng	dài 33 km; khổ 1000 mm; có 4 ga; thời gian hoàn trả vốn vay 30 năm	1.564	PPP (BOT + ODA) / ODA	BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
6	Xây dựng Đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu (giai đoạn 1)	Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu	Giai đoạn 1 có thời gian hoàn trả vốn vay 30 năm	2.709	PPP (BOT + ODA) / ODA	BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
7	Xây dựng ĐSDT Hà Nội, tuyến Yên Viên - Ngọc Hồi (GĐ 2: Ngọc Hồi - Giáp Bát; Gia Lâm - Yên Viên)	TP. Hà Nội	Đường đôi, sức kéo điện, dài 15,36 km	927	ODA (Nhất)	Cục Đường sắt Việt Nam; Vụ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
8	Cải tạo khu gian Hòa Duyệt - Thuận Lỵ thuộc đường sắt Bắc - Nam	Hà Tĩnh	Đoạn dài 11,6 km, đường đơn, khổ 1000 mm	80	ODA	Cục Đường sắt Việt Nam; Vụ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
9	Đầu tư xây dựng di dời ga Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	ga thuộc tuyến đường sắt quốc gia trục Bắc - Nam	380	PPP (BOT)	Cục Đường sắt Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
10	Thị điểm nhượng quyền kinh doanh khai thác tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Hà Nội; Hải Phòng; Lào Cai và các tỉnh khác	Dài 381 km; đường đơn; khổ 1000 mm; có 9 ga vận chuyển container	Thu về NSNN (chưa xác định)	PPP (O&M)	Cục Đường sắt Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đổi tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến

PHỤ LỤC 1C
DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ CÔNG BỐ VÀ DỰ KIẾN KẾ GỌI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TỚI NĂM 2020 (HÀNG KHÔNG)

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Thông số kỹ thuật	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)	Hình thức đầu tư	Địa chỉ liên hệ	Ghi chú
1	Đầu tư xây dựng CHKQT Long Thành; Nhóm 2 - Sân nền, thi công đường trục, đường nội bộ, đường CHC, đường lán, sân đỗ, đài chỉ huy ...	Long Thành, Đồng Nai	Sân bay tiêu chuẩn 4F, công suất khi hoàn thành 100 triệu khách/năm	2.883	ODA	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư; Cục Hàng không dân dụng Việt Nam - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
2	Đầu tư xây dựng CHKQT Long Thành; Nhóm 4a - Nhà ga hành khách, nhà đậu xe ...; Nhóm 4b - Nhà ga hàng hóa	Đồng Nai	Sân bay tiêu chuẩn 4F; nhà ga hành khách công suất 25 triệu khách/năm	2.265	PPP (BOT)	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư; Cục Hàng không dân dụng Việt Nam - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
3	Đầu tư xây dựng Cảng hàng không Lào Cai	Cảng HK Lào Cai	Sân bay cấp 3C (Theo phân cấp của ICAO), Sân bay quân sự cấp III. Nhà ga công suất 250 HK/GCB	70	PPP (BOT+BT)	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư; Cục Hàng không - Bộ Giao thông vận tải; Sở KHĐT Lào Cai	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
4	Đầu tư xây dựng hàng mục CHK Cam Ranh; Nhà ga hành khách quốc tế Cam Ranh	Cảng HKQT Cam Ranh	Công suất 1,2 triệu HK/năm	40	PPP (BOT)	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
5	Đầu tư xây dựng hàng mục CHK Đà Nẵng; Xây dựng Nhà ga hành khách quốc tế	Cảng HKQT Đà Nẵng		152	PPP (BOT)	BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
6	Đầu tư và kinh doanh dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay tại cảng hàng không Nội Bài	Hà Nội		chưa xác định	PPP (BOO)	Cục Hàng không - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
7	Thị điểm nhượng quyền kinh doanh hàng mục hoặc toàn bộ hạ tầng một số cảng hàng không (nhà ga hành khách T 1 Nội Bài; nhà ga Phú Quốc)	Toàn quốc	Nhà ga hành khách T 1, CHK Nội Bài; nhà ga CHK Phú Quốc	Thu về NSNN (chưa xác định)	PPP (O&M)	Cục Hàng không dân dụng Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến

PHỤ LỤC 1D

DANH MỤC DỰ ÁN ĐÁ CÔNG BỐ VÀ DỰ KIẾN KẾ GỌI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TỚI NĂM 2020 (HÀNG HẢI)

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Thông số kỹ thuật	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)	Hình thức đầu tư	Địa chỉ liên hệ	Ghi chú
	Dự án Đầu tư luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (giai đoạn 2)	Tỉnh Trà Vinh	Luồng cho tàu trọng tải 10.000 DWT đầy tải, 20.000 DWT giảm tải; Cao trình đáy: -6,5m (hệ Hải đồ).	150	PPP	Cục Hàng hải Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đổi tác công từ - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
1	Dự án Đầu tư nạo vét, nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải cho tàu trên 100.000 DWT	Bà Rịa - Vũng Tàu	Có thể tiếp nhận thường xuyên tàu trên 100.000 DWT vào đến Thị Vải; các tàu trọng tải đến 60.000 DWT vào đến Mỹ Xuân - Phước An; và các tàu trọng tải đến 30.000 DWT vào đến khu cảng Gò Dầu.	167	PPP / ODA	Cục Hàng hải Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đổi tác công từ - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
2	Đầu tư nạo vét luồng cửa Định An	Tỉnh Trà Vinh	Duy trì độ sâu -5m, cho tàu 5.000 - 10.000 DWT vào các cảng trên sông Hậu.	32	PPP (BOT)	Cục Hàng hải Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đổi tác công từ, Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
3	Đầu tư xây dựng cảng Liên Chiểu	Đà Nẵng	Quy mô đón được tàu 50.000-80.000 DWT, giai đoạn hai xây mới 02 bến tàu 50.000 DWT, năng lực thông quan khoảng 2,5-3,5 triệu tấn/năm	65	PPP	Sở KHĐT Đà Nẵng	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
4	Đầu tư xây dựng bến Container trung chuyển quốc tế Vân Phong (Giai đoạn khởi động)	Vĩnh Phong, tỉnh Khánh Hòa	Đón tàu đến 12 TEU, công suất dự kiến đến 17 triệu TEU, diện tích toàn cảng 405 ha, chiều dài bến từ 4450 đến 5710m.	90	FDI / PPP (BOO, ...)	Cục Hàng hải Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đổi tác công từ - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
5	Đầu tư xây dựng khu bến tổng hợp và chuyển dùng Kê Gà (Giai đoạn 1)	Tỉnh Thuận Bình	Bến tổng hợp và chuyển dùng phục vụ công nghiệp nhôm kết hợp. Trong tương lai kết hợp đón khách du lịch đường biển.	243	FDI / PPP (BOO, ...)	Cục Hàng hải Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đổi tác công từ - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
6	Đầu tư xây dựng Bến trung chuyển than cho nhiệt điện chu vực phía Đông ĐBSCL	Khu bến nhiệt điện Duyên Hải - Trà Vinh	Đầu tư xây dựng Bến trung chuyển than cho nhiệt điện chu vực Đông ĐBSCL	119	FDI / PPP (BOO, ...)	Cục Hàng hải Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đổi tác công từ - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
7	Đầu tư xây dựng các bến cảng tại Cảng cửa Ngõ quốc tế Hải Phòng (Lạch Huyện)	Hải Phòng	Giai đoạn tiếp theo tại cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng tại Lạch Huyện	450	FDI	Cục Hàng hải Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đổi tác công từ - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến

8	Các dự án đầu tư hạ tầng và tăng cường năng lực đảm bảo hàng hải	Toàn quốc	Dự án Năng cao năng lực hệ thống thông tin duyên hải sử dụng sóng vô tuyến mặt đất. Dự án Ứng dụng công nghệ số cho hệ thống thông tin duyên hải sử dụng sóng vô tuyến mặt đất. Dự án Đầu tư thiết lập Đài vệ tinh mặt đất Cospas Sarsat thế hệ mới MEOLUT. Dự án Năng cao năng lực đài vệ tinh Inmarsat. Dự án ĐTXD Hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) trên 4 luồng hàng hải.	63	ODA	Cục Hàng hải Việt Nam; Vụ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
9	Các dự án đầu tư xây dựng công trình neo đậu tránh trú bão (9 vị trí)	Miền Bắc và Miền Trung		36	PPP	Cục Hàng hải Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến

PHỤ LỤC 1E
DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ CÔNG BỐ VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TỚI NĂM 2020 (ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA)

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Thông số kỹ thuật	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)	Hình thức đầu tư	Địa chỉ liên hệ	Ghi chú
1	Nâng cấp tuyến sông Hàm Luông từ ngã 3 sông Tiền đến cửa Hàm Luông	Bến Tre	Tuyến dài 90 km, cấp IV, III	25	PPP (thi điểm BOT)	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
2	Nâng cấp tuyến đường thủy Việt Trì - Yên Bái	Phủ Thọ, Yên Bái	Tuyến dài 125 km; tiêu chuẩn cấp III	47	PPP (thi điểm BOT)	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
3	Nâng cấp 4 tuyến luồng cửa sông pha biển (cửa Đáy, cửa Trà Lý, cửa Gianh, cửa Cổ Chiên)	Toàn quốc		23	PPP	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
4	Đầu tư hạ tầng phát triển hành lang đường thủy và Logistics khu vực phía Nam	các tỉnh phía Nam		300	ODA, PPP	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
5	Xây dựng Cảng Container Phú Đông	Hà Nội	Xây mới cảng sông; công suất 2,45 triệu T/năm; tiếp nhận tàu 800 T	21	PPP (BOO)	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
6	Nâng cấp Cảng tàu khách Bãi Cháy	Quảng Ninh	Nâng cấp cảng tàu khách; công suất 2 triệu HK/năm; tiếp nhận tàu 250 ghế	19	PPP (BOO) / ODA	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
7	Đầu tư xây dựng Cảng Nhơn Đức	TP.HCM	Xây mới cảng sông; công suất 0,7 triệu T/năm; cỡ tàu 3000 T	19	PPP (BOO, ...)/ FDI	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; BQL đầu tư các dự án đối tác công tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến
8	Nâng cao an toàn bến khách ngang sông	Toàn quốc	Toàn bộ bến khách ngang sông trên phạm vi cả nước	47	ODA	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Vụ Kế hoạch và đầu tư - Bộ Giao thông vận tải	Dự kiến

PHỤ LỤC 1F

DANH MỤC DỰ ÁN QUỐC GIA VÀ DỰ KIẾN KẾ GỌI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TỚI NĂM 2020 (GT ĐÓ THỊ)

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Thông số kỹ thuật	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)	Hình thức đầu tư	Địa chỉ liên hệ	Ghi chú
1	Xây dựng Đường trên cao tuyến số 1	TP. Hồ Chí Minh	Hướng tuyến từ nút giao Công Hòa - Trần Quốc Hoàn- Phan Thúc Duyệt-Hoàng Văn Thụ-Phan Đăng Lưu- Phan Xích Long-giao với đường Điện Biên Phủ-Ngô Tất Tố-kết thúc trước cầu Phú An. Chiều dài toàn tuyến khoảng 9,5km, rộng 17,5m, 4 làn xe x 3,5m; Tổng vốn đầu tư khoảng 736 triệu USD.	736	BOT / BOT + BT	Sở Giao thông vận tải TP. HCM	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
2	Xây dựng Đường trên cao tuyến số 2	TP. Hồ Chí Minh	Chiều dài toàn tuyến khoảng 11,8km, rộng 17,5m, 4 làn xe x 3,5m	1.023	BOT / BOT + BT	Sở Giao thông vận tải TP. HCM	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
3	Xây dựng Đường trên cao tuyến số 3	TP. Hồ Chí Minh	Chiều dài toàn tuyến khoảng 8,1km, rộng 17,5m, 4 làn xe x 3,5m.	702	BOT / BOT + BT	Sở Giao thông vận tải TP. HCM	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
4	Xây dựng Tuyến tàu điện một ray (Monorail) số 2	TP. Hồ Chí Minh	Tuyến dài 27,2 km, định hướng kết nối tuyến đường sắt đô thị số 3a	715	PPP (BOT, BT)	Ban Quản lý Đường sắt đô thị TP. Hồ Chí Minh	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
5	Xây dựng Tuyến tàu điện một ray (Monorail) số 3	TP. Hồ Chí Minh	Dài 16,5km	400	PPP (BOT, BT)	Ban Quản lý Đường sắt đô thị TP. Hồ Chí Minh	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
6	Xây dựng Tuyến xe điện mặt đất số 1	TP. Hồ Chí Minh	Tổng chiều dài khoảng 12,5 km; đi qua địa bàn các quận 1, 5, 6, Bình Tân	250	PPP (BOT, BT)	Ban Quản lý Đường sắt đô thị TP. Hồ Chí Minh	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
7	Xây dựng Tuyến đường sắt đô thị (Metro) số 6	TP. Hồ Chí Minh	Tuyến dài 5,6 km, qua địa bàn các quận Tân Bình, Tân Phú, 11 và 6, khoảng 7 nhà ga ngầm, khổ đường sắt tiêu chuẩn 1435mm	1.250	PPP (BOT, BT)	Ban Quản lý Đường sắt đô thị TP. Hồ Chí Minh	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg
8	Xây dựng Đường sắt đô thị Hà Nội - tuyến số 6 (từ trung tâm HN đến sân bay Nội Bài)	Hà Nội	Chiều dài 47km, xây dựng mới, đường đôi khổ 1435mm	1.356	PPP	Sở KHDĐT - TP. Hà Nội	Đã công bố tại quyết định 631/QĐ-TTg

PHỤ LỤC 2**DANH MỤC CÁC TỔNG CÔNG TY CÓ VỐN NHÀ NƯỚC TRONG NGÀNH GTVT
THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA, CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU ĐẾN NĂM 2020**

TT	Tên doanh nghiệp	Giá trị DN trước khi CPH (tỷ đồng)	Vốn điều lệ dự kiến sau CPH (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn nhà nước còn lại (dự kiến)	Tỷ lệ CP bán cho NĐT nước ngoài (dự kiến)	Chi chú
1	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (VNR)	chưa định giá	chưa duyệt phương án	chưa duyệt phương án	chưa duyệt phương án	
2	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV)	37.000	37.000	75%	20%	
3	Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines)	10.101	14.101	75%	20%	đã IPO 3,48%
4	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)	chưa định giá	chưa duyệt phương án	36%	30%	
5	Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)	chưa định giá	chưa duyệt phương án	chưa duyệt phương án	chưa duyệt phương án	
6	Tổng công ty Đầu tư phát triển và Quản lý dự án hạ tầng giao thông Cửu Long (CPIM)	chưa định giá	chưa phê duyệt	chưa duyệt phương án	chưa duyệt phương án	
7	10 doanh nghiệp cảng biển thuộc Vinalines (cảng Quy Nhơn, cảng Khuyến Lương, cảng Hải Phòng, cảng Quảng Ninh, cảng Nha Trang, cảng Đà Nẵng, cảng Nghệ Tĩnh, cảng Cần Thơ – Cái Cui, cảng Đoạn Xá, cảng Cái Lán)		6.063			dự kiến hết 2015 sẽ thoái vốn đến 60%

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC ĐẦU MỐI LIÊN HỆ LIÊN QUAN DỰ ÁN GIAO THÔNG VẬN TẢI

1	Tên đơn vị	Chỉ dẫn liên hệ
A	Các đơn vị quản lý nhà nước và quản lý chuyên ngành thuộc Bộ GTVT	
1	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	www.drvt.gov.vn , Đường Tôn Thất Thuyết, Hà Nội
2	Cục Hàng hải Việt Nam	www.vinamarine.gov.vn , Đường Phạm Hùng, Hà Nội
3	Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	www.viva.gov.vn , Đường Tôn Thất Thuyết, Hà Nội
4	Cục Đường sắt Việt Nam	www.vnra.mt.gov.vn , 80 Trần Hưng Đạo, Hà Nội
5	Cục Hàng không Việt Nam	www.caa.mt.gov.vn , Đường Nguyễn Sơn, Hà Nội
6	Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công tư (Ban PPP)	www.mt.gov.vn , 80 Trần Hưng Đạo, Hà Nội
7	Vụ Kế hoạch - Đầu tư	www.mt.gov.vn , 80 Trần Hưng Đạo, Hà Nội
8	Vụ Hợp tác quốc tế	www.mt.gov.vn , 80 Trần Hưng Đạo, Hà Nội
B	Các đơn vị quản lý dự án trực thuộc BGTVT	
1	Ban Quản lý dự án 1	308 Phố Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
2	Ban Quản lý dự án 2	www.pmu2.com.vn (Số 18 đường Phạm Hùng - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội)
3	Ban Quản lý dự án 6	Số 278 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội; Trụ sở 2: Số 2 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
4	Ban Quản lý dự án 7	Số 63 đường Nguyễn Xi - P.26 - Q.Bình Thạnh - tp Hồ Chí Minh
5	Ban Quản lý dự án 85	184 Nguyễn Sỹ Sách - Tp.Vinh - Nghệ An
6	Ban Quản lý dự án An toàn giao thông	80B Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hà Nội
7	Ban Quản lý dự đường Hồ Chí Minh	106 Thái Thịnh, Q. Đống Đa, Hà Nội
8	Ban Quản lý dự án Thăng Long	Tổ 23, P. Lĩnh Nam, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
9	Ban Quản lý dự án Đường sắt	Tòa nhà Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Lô D20 - Khu Đô thị Cầu Giấy - Hà Nội
10	Ban Quản lý Dự án Hàng hải 1	Tòa nhà Ocean Park, Đào Duy Anh, Hà Nội
11	Ban Quản lý Dự án Hàng hải 2	11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng
12	Ban Quản lý Dự án Hàng hải 3	89 Pasteur, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh
C	Các tổ chức kinh tế có vốn nhà nước do Bộ GTVT quản lý	
1	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (VNR)	http://www.vr.com.vn
2	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV)	www.vietnamairport.vn
3	Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines)	www.vietnamairlines.com
4	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)	http://www.vinalines.com.vn
5	Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)	http://www.expressway.com.vn
6	Tổng công ty Đầu tư phát triển và Quản lý dự án hạ tầng giao thông Cửu Long (CPIM)	http://cuulongqicpm.com.vn

PHỤ LỤC 4

DANH MỤC CÁC QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT MỘT SỐ QUY HOẠCH, ĐỀ ÁN

Số hiệu	Nội dung phê duyệt chính (giai đoạn đến năm 2020, định hướng 2030 hoặc đến 2050)
355/QĐ-TTg	Điều chỉnh chiến lược phát triển GTVT Việt Nam
214/QĐ-TTg	Điều chỉnh chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam
570/QĐ-BGTVT	Đề án Tái cơ cấu đầu tư phát triển KCHT giao thông vận tải
1210/QĐ-TTg	Đề án Tái cơ cấu ngành giao thông vận tải phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững
3439/QĐ-BGTVT	Đề án Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế để góp phần thực hiện thắng lợi đột phá phát triển kết cấu hạ tầng giao thông
4403/QĐ-BGTVT	Đề án Huy động các nguồn lực đột phá để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông
4835/QĐ-BGTVT	Đề án Huy động vốn xã hội hóa để đầu tư KCHT đường thủy nội địa
4938/QĐ-BGTVT	Đề án Huy động vốn xã hội hóa để đầu tư KCHT hàng hải
4907/QĐ-BGTVT	Đề án Huy động vốn xã hội hóa để đầu tư KCHT đường sắt
4908/QĐ-BGTVT	Đề án Huy động vốn xã hội hóa để đầu tư KCHT hàng không
2167/QĐ-BGTVT	Đề án Xã hội hóa lĩnh vực đường bộ
4993/QĐ-TTg	Đề án Tái cơ cấu lĩnh vực đường bộ
4910/QĐ-TTg	Đề án Tái cơ cấu lĩnh vực đường thủy nội địa
4928/QĐ-TTg	Đề án Tái cơ cấu lĩnh vực hàng hải
356/QĐ-TTg	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển GTVT ngành đường bộ
1436/QĐ-TTg	Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển ngành GTVT đường sắt Việt Nam (đang điều chỉnh)
1071/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển GTVT đường thủy nội địa Việt Nam
21/QĐ-TTg	Quy hoạch phát triển GTVT hàng không
1037/QĐ-TTg	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển cảng biển Việt Nam
1517/QĐ-TTg	Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam

Ghi chú: Danh mục chỉ bao gồm các quy hoạch ở cấp chuyên ngành, chưa bao gồm các quy hoạch chi tiết khác (tuyến đường bộ, nhóm cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không).

Toàn văn các quyết định xem tại www.mt.gov.vn; <http://congbao.chinhphu.vn/> (tiếng Việt) và english.luatvietnam.vn; thuvienphapluat.vn/en/ (tiếng Việt và tiếng Anh).

PHỤ LỤC 5
DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẦU TƯ
VÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

TT	Tên văn bản quy phạm pháp luật	Ghi chú
1	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13	Có hiệu lực từ 1/7/2015
2	Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13	Có hiệu lực từ 1/1/2015
3	Nghị định Chính phủ số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư	Có hiệu lực từ 10/4/2015
4	Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư (cũ)	Sẽ có nghị định thay thế
5	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13	Có hiệu lực từ 1/7/2015
6	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13	Đang có hiệu lực
7	Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 và số 31/2013/QH13	Đang có hiệu lực
8	Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11	Đang có hiệu lực
9	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH13 và số 32/2013/QH13	Đang có hiệu lực
10	Nghị định Chính phủ số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ	Đang có hiệu lực
11	Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT ngày 9/1/2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2013/NĐ-CP	Đang có hiệu lực
12	Biểu cam kết gia nhập WTO của Việt Nam	Đang có hiệu lực
13	Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg về tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước	Đang có hiệu lực
14	Bộ luật Hàng hải (Luật số 40/2005/QH11)	Đang dự thảo sửa đổi
15	Luật Hàng không dân dụng Việt Nam (Luật số 61/2014/QH13 và Luật số 66/2006/QH11)	Đang có hiệu lực
16	Luật Giao thông đường bộ (Luật số 23/2008/QH12)	Đang chuẩn bị sửa đổi
17	Luật Đường sắt (Luật số 35/2005/QH11)	Đang chuẩn bị sửa đổi
18	Luật Giao thông đường thủy nội địa (Luật số 48/2014/QH13 và Luật số 23/2004/QH11)	Đang có hiệu lực
19	Cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách (Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg)	Có hiệu lực từ 1/6/2015
20	Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg)	Có hiệu lực từ 1/7/2015
21	Nghị định số 30/2015/NĐ-CP quy định về lựa chọn nhà đầu tư	Có hiệu lực từ 5/5/2015

Ghi chú: toàn văn nội dung văn bản có thể xem và tải về tại congbao.chinhphu.vn (tiếng Việt) và english.luatvietnam.vn, thuvienphapluat.vn/en/ (tiếng Việt và tiếng Anh)

PHỤ LỤC 6

DANH MỤC MỘT SỐ NHÀ ĐẦU TƯ THAM GIA KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực đầu tư kinh doanh chính
A	Tổ chức kinh tế có vốn nhà nước ngành GTVT	
1	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (VNR)	Đầu tư hạ tầng, kinh doanh vận tải đường sắt
2	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV)	Đầu tư hạ tầng, kinh doanh hạ tầng và dịch vụ hàng không
3	Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines)	Kinh doanh vận tải hàng không
4	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)	Đầu tư hạ tầng, kinh doanh vận tải biển
5	Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)	Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc
6	Tổng công ty Đầu tư phát triển và Quản lý dự án hạ tầng giao thông Cửu Long (CIMP)	Đầu tư xây dựng, quản lý dự án hạ tầng
B	Tổ chức kinh tế khác	
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	Đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước
2	Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII)	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
3	Công ty cổ phần Tasco	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
4	Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Minh (Bitexco)	Đa ngành nghề
5	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Đa ngành nghề
6	Tổng công ty Sông Đà	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
7	Tổng công ty phát triển hạ tầng và đầu tư tài chính Việt Nam (Vidifi)	Đầu tư hạ tầng
8	Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc BIDV (BEDC)	Đầu tư hạ tầng
9	Tổng công ty Công trình giao thông 1 (Cienco 1)	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
10	Tổng công ty Công trình giao thông 2 (Cienco 2)	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
11	Tổng công ty Công trình giao thông 4 (Cienco 4)	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
12	Tổng công ty Công trình giao thông 5 (Cienco 5)	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
13	Tổng công ty Công trình giao thông 6 (Cienco 6)	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
14	Tổng công ty Công trình giao thông 8 (Cienco 8)	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
15	Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng LICOGI	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
16	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
17	Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Yên Khánh	Đa ngành nghề
18	Công ty 319	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
19	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Phương Thành	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
20	Công ty cổ phần Tập đoàn Sơn Hải	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
21	Công ty cổ phần tập đoàn Đức Long Gia Lai	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
22	Công ty TNHH Trùng Phương	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
23	Công ty cổ phần đầu tư UDIC	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
24	Tổng công ty Thái Sơn	Đầu tư, xây dựng hạ tầng
25	Công ty cổ phần Đức Thành Gia Lai	Đầu tư, xây dựng hạ tầng

PHỤ LỤC 7
DANH MỤC PHÍ, LỆ PHÍ THUỘC LĨNH VỰC GTVT

TT	Tên phí, lệ phí	Cơ quan quy định chi tiết
A	Danh mục tại Pháp lệnh phí và lệ phí, chi tiết theo Nghị định 57/2002ND-CP, Nghị định 24/2006/ND-CP	
1	Phí sử dụng đường bộ	- Bộ Tài chính quy định đối với đường thuộc trung ương quản lý. - Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với đường thuộc địa phương quản lý.
2	Phí sử dụng đường thủy nội địa (phí bảo đảm hàng giang)	Bộ Tài chính
3	Phí sử dụng đường biển	Bộ Tài chính
4	Phí qua cầu	- Bộ Tài chính quy định đối với cầu thuộc trung ương quản lý. - Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với cầu thuộc địa phương quản lý.
5	Phí qua đò, qua phà:	
5.1	Phí qua đò	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
5.2	Phí qua phà	- Bộ Tài chính quy định đối với phà thuộc trung ương quản lý. - Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với phà thuộc địa phương quản lý.
6	Phí sử dụng cảng, nhà ga:	
6.1	Phí sử dụng cầu, bến, phao neo thuộc khu vực cảng biển	Bộ Tài chính
6.2	Phí sử dụng cầu, bến, phao neo thuộc cảng, bến thủy nội địa	Bộ Tài chính
6.3	Phí sử dụng cảng cá	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
7	Phí sử dụng vị trí neo, đậu ngoài phạm vi cảng	Bộ Tài chính
8	Phí bảo đảm hàng hải	Bộ Tài chính
9	Phí hoa tiêu, dẫn đường trong lĩnh vực:	
9.1	Đường biển	Bộ Tài chính
9.2	Đường thủy nội địa	Bộ Tài chính
9.3	Hàng không	Bộ Tài chính
10	Phí trọng tải tàu, thuyền	Bộ Tài chính
11	Phí luồng, lạch đường thủy nội địa	Bộ Tài chính
12	Phí sử dụng lễ đường, bến, bãi, mặt nước	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
13	Phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng thiết bị, vật tư, phương tiện giao thông vận tải, phương tiện đánh bắt thủy sản	Bộ Tài chính
B	Một số quy định cụ thể về mức phí	Số hiệu văn bản
1	Đường bộ: phí sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư xây dựng	159/2013/TT-BTC.
2	Đường sắt: phí, giá thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt	84/2007/QĐ-TTg.
3	Hàng không: Các loại phí, giá dịch vụ hàng không	69/2006/QĐ-BTC; 169/2010/TT-BTC; 1992/QĐ-BTC.
4	Hàng hải: đảm bảo hàng hải, phí hoa tiêu	98/2008/QĐ-BTC; 119/2010/TT-BTC; 179/2010/TT-BTC; 198/2011/TT-BTC.
5	Đường thủy nội địa: 2 loại phí, lệ phí áp dụng tại Cảng vụ	177/2012/TT-BTC.

PHỤ LỤC 8
DANH MỤC NGÀNH NGHỀ THEO CAM KẾT WTO
CÓ LIÊN QUAN LĨNH VỰC GTVT

(Biên tập từ Biểu cam kết dịch vụ, văn kiện WTO)

Tên Ngành nghề	Tỷ lệ cho phép tối đa
DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN XÂY DỰNG – KIẾN TRÚC	
Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672) (i) dịch vụ cố vấn và tư vấn kỹ thuật (86721), (ii) dịch vụ thiết kế kỹ thuật đối với việc xây dựng nền móng và các toà nhà (86722), (iii) dịch vụ thiết kế kỹ thuật đối với lắp đặt cơ và điện cho các toà nhà (86723), (iv) dịch vụ thiết kế kỹ thuật đối với xây dựng các công trình dân dụng (86724), (v) dịch vụ thiết kế kỹ thuật đối với công trình sản xuất và chế biến công nghiệp (86725), (vi) dịch vụ thiết kế kỹ thuật khác n.e.c. (86726), (vii) các dịch vụ tư vấn kỹ thuật khác trong giai đoạn lắp đặt và xây dựng (86727), và (viii) các dịch vụ tư vấn kỹ thuật khác (86729).	100% vốn nước ngoài
Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673) Bao gồm các dịch vụ tư vấn kỹ thuật liên quan đến các dự án chia khoá trao tay, gồm: (i) các dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ đối với các dự án hạ tầng giao thông chia khoá trao tay (86731), (ii) các dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ và quản lý dự án đối với các dự án cung cấp nước và vệ sinh chia khoá trao tay (86732), (iii) các dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ đối với xây dựng các dự án sản xuất chia khoá trao tay (86733), và (iv) các dịch vụ kỹ thuật đồng bộ đối với các dự án chia khoá trao tay khác.	100% vốn nước ngoài
Các công tác thi công khác (CPC 511, 515, 518).	100% vốn nước ngoài
Dịch vụ xây dựng đối với các thiết kế dân dụng (CPC 513). Bao gồm hoạt động: Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Hoạt động trang trí nội thất.	100% vốn nước ngoài
Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật (CPC 8676 ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải).	80% vốn nước ngoài
DỊCH VỤ VẬN TẢI - LOGISTICS	
Dịch vụ vận tải hành khách bằng đường biển, trừ vận tải nội địa (CPC 7211)	
Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường biển, trừ vận tải nội địa (CPC 7212): Các hình thức hiện diện thương mại khác để cung cấp dịch vụ vận tải biển quốc tế: 1. Bán và tiếp thị dịch vụ vận tải biển qua giao dịch trực tiếp với khách hàng, từ niêm yết giá tới lập chứng từ; 2. Đại diện cho chủ hàng; 3. Cung cấp các thông tin kinh doanh theo yêu cầu; 4. Chuẩn bị tài liệu liên quan tới chứng từ vận tải bao gồm chứng từ hải quan hoặc các chứng từ khác liên quan đến xuất xứ và đặc tính của hàng vận chuyển; và 5. Cung cấp dịch vụ vận tải biển bao gồm cả dịch vụ vận tải nội địa bằng tàu mang cờ Việt Nam trong trường hợp ung cấp dịch vụ vận tải tích hợp.	51% vốn nước ngoài; Sau 05 năm cho phép 100% vốn nước ngoài. Lưu ý: 01 năm chỉ cho phép TL 01 DN thực hiện chức năng này
Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ (CPC 7411)	50% vốn nước ngoài
Dịch vụ thông quan (). Bao gồm hoạt động: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải như: giao nhận hàng hóa; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.	51% vốn nước ngoài, Sau 05 năm 80% vốn nước ngoài
Dịch vụ kho bãi công-ten-nơ	51% vốn nước ngoài, Sau 07 năm không hạn chế
Dịch vụ vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa (CPC 7221)	49% vốn nước ngoài
Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa (CPC 7222)	
Dịch vụ vận tải đường hàng không: Dịch vụ bán và tiếp thị sản phẩm hàng không	Các hãng hàng không nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ tại Việt Nam thông qua

	văn phòng bán vé của mình hoặc các đại lý tại Việt Nam.
Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa máy bay (CPC8868**)	51% vốn nước ngoài; Sau 05 năm cho phép 100% vốn nước ngoài
Dịch vụ cho thuê máy bay (CPC 83104)	100% vốn nước ngoài
Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường sắt (CPC 7112)	49% vốn nước ngoài
Dịch vụ vận tải hành khách bằng đường bộ(CPC 7121+7122)	51% vốn nước ngoài
Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ (CPC 7123)	
Dịch vụ xếp dỡ container, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay (một phần của CPC 7411)	50% vốn nước ngoài
Dịch vụ kho bãi (CPC742)	51% vốn nước ngoài; Sau 07 năm không hạn chế
Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748)	
Các dịch vụ khác (một phần của CPC 749) Kiểm tra vận đơn; dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa; giám định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải. Các dịch vụ này được thực hiện thay mặt cho chủ hàng.	51% vốn nước ngoài; Sau 07 năm không hạn chế
Dịch vụ bảo dưỡng (CPC 84250)	
CÁC NGÀNH NGHỀ CHƯA CHO PHÉP	
Các ngành khác chưa được cam kết tại Biểu cam kết WTO	